

A. PHÂN CHIA THEO HỌC KÌ VÀ TUẦN HỌC

| | | |
|--|--|--|
| Cả năm 140 tiết | Đại số 70 tiết | Hình học 70 tiết |
| Học kỳ I 18 tuần 72 tiết | 40 tiết 14 tuần đầu x 2 tiết = 28 tiết 4 tuần cuối x 3 tiết = 12 tiết | 32 tiết 14 tuần đầu x 2 tiết = 28 tiết 4 tuần cuối x 1 tiết = 4 tiết |
| Học kỳ II 17 tuần 68 tiết | 30 tiết 13 tuần đầu x 2 tiết = 26 tiết 4 tuần cuối x 1 tiết = 4 tiết | 38 tiết 13 tuần đầu x 2 tiết = 26 tiết 4 tuần cuối x 3 tiết = 12 tiết |

B. KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

ĐẠI SỐ (70 tiết)

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| 1 | 1 | Chủ đề 1: Phép nhân đa thức. Tiết 1 §1: Nhân đơn thức với đa thức | Kiến thức: - Nhớ quy tắc nhân đơn thức với đa thức. - Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức. | GDDD: Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>- Vận dụng được phép nhân đơn thức với đa thức vào lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | việc của mình) | | | |
| 1 | 2 | <p>Chủ đề 1: Phép nhân đa thức. Tiết 2 §2:Nhân đa thức với đa thức</p> | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết quy tắc nhân đa thức với đa thức. - Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức. - Vận dụng được phép nhân đơn thức với đa thức vào lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Giảm dị (giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp tự nhiên từ những điều giản dị nhất) | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 2 | 3 | <p>Chủ đề 1: Phép nhân đa thức. Tiết 3 - Luyện</p> | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức. | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo | Máy chiếu, phiếu học | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------------------------|--|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | tập | <p>- Vận dụng được phép nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức vào lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>MTBT: Tính giá trị của đa thức tại các giá trị khác nhau của biến.</p> <p>- Bài toán ngược: Xác định (hệ số) đa thức khi biết giá trị của đa thức tại các giá trị cho trước của biến BT: 9, 12...</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | dự ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | tập | | |
| 2 | 4 | §3: Những hằng đẳng thức đáng nhớ | <p>Kiến thức:</p> <p>- Nhớ được các hằng đẳng thức: Bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu, hiệu hai bình phương.</p> <p>- Vận dụng được các hằng đẳng thức để tính nhẩm, tính hợp lí và giải quyết một</p> | GDDD: Khoan dung (giúp các em biết chấp nhận người khác, đánh giá cao sự | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------|--|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | khác biệt, tha thứ cho sai lầm). | | | |
| 3 | 5 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được các hằng đẳng thức: Bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu. - Nhận dạng được các HĐT để chuyển đổi dạng của một đa thức cụ thể thành bình phương của một tổng, một hiệu hoặc thành hiệu 2 bình phương và ngược lại. - Vận dụng được các hằng đẳng thức để tính nhẩm, tính hợp lí và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | tiện toán. | | | | |
| 3 | 6 | §4: Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được các hằng đẳng thức: Lập phương của một tổng, lập phương của một hiệu. - Vận dụng được các hằng đẳng thức để tính nhẩm, tính hợp lí và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Khoan dung (giúp các em biết chấp nhận người khác, đánh giá cao sự khác biệt.....).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 4 | 7 | §5: Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các hằng đẳng thức: Tổng hai lập phương, hiệu hai lập phương. - Vận dụng được các hằng đẳng thức để tính nhẩm, tính hợp lí và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Khoan dung (giúp các em biết chấp nhận người khác, đánh giá cao sự khác biệt, tha thứ cho sai lầm).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|--|-----------------------------|---|--|
| 4 | 8 | Luyện tập Kiểm tra 15 phút | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được các hằng đẳng thức trong các biểu thức đại số để biến đổi biểu thức đại số. - Vận dụng được các hằng đẳng thức đáng nhớ vào lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện bộ môn toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | <p>Kiểm tra, đánh giá thường xuyên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: viết trên giấy - Tỷ lệ: trắc nghiệm 40% và tự luận 60% | |
| 5 | 9 | §6: Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu thế nào là phân tích đa thức thành nhân tử. - Biết cách tìm nhân tử chung và đặt nhân tử chung. - Vận dụng được phân tích đa thức thành nhân tử để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|--|--|-----------------------------|---|--|
| | | | tiện môn toán. | | | | |
| 5 | 10 | §7: Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các hằng đẳng thức đã học vào việc phân tích đa thức thành nhân tử. - Vận dụng được phân tích đa thức thành nhân tử để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Hạnh phúc (giúp các em cảm nhận được niềm vui từ những điều nhỏ nhất)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 6 | 11 | §8: Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm các hạng tử. | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết nhóm các hạng tử một cách thích hợp để phân tích đa thức thành nhân tử. - Vận dụng các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đã học vào lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | <p>Nội dung điều chỉnh (trang 21)</p> <p>Ví dụ 2: Thay thế ví dụ khác về sử dụng phương pháp nhóm làm xuất</p> | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | hiện hằng đẳng thức | |
| 6 | 12 | Luyện tập | <p>KT: Biết dùng các phương pháp để phân tích đa thức thành nhân tử một cách hợp lí. Vận dụng được phân tích đa thức thành nhân tử đã học vào lập luận toán học và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> <p>PC: Yêu thích môn học, biết tự học, biết giúp đỡ người khác, có ý thức đoàn kết, hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ. Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó. Có trách nhiệm với bản thân, tôn trọng nội quy của trường lớp. Trung thực, tự trọng, chí công vô tư, thẳng thắn khi nêu ý kiến.</p> | GDĐĐ: Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình) | Bảng phụ | | |
| 7 | 13 | § 9: Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách phối hợp nhiều | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết phối hợp các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đã học vào việc giải loại toán phân tích đa thức</p> | GDĐĐ: Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | phương pháp | <p>thành nhân tử.</p> <p>- Vận dụng được một cách linh hoạt các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đã học vào lập luận toán học và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | ý thức về sự đoàn kết, rèn luyện thói quen hợp tác) | | | |
| 7 | 14 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <p>- Phân tích được đa thức thành nhân tử bằng phương pháp thích hợp.</p> <p>- Vận dụng được phân tích đa thức thành nhân tử đã học vào lập luận toán học và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Trung thực (thẳng thắn khi nêu ý kiến) | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 8 | 15 | §10.Chia đơn | Kiến thức: | GDDD: | Máy | <i>Điều</i> | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|---|-----------------------------|--|--|
| | | <i>thức cho đơn thức.</i> §11.Chia đa thức cho đơn thức | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khi nào thì đa thức chia hết cho , đơn thức A chia hết cho đơn thức B. - Phát biểu được quy tắc chia đa thức, đơn thức cho đơn thức. - Thực hiện được phép chia đa thức, đơn thức cho đơn thức. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em ý thức về sự đoàn kết, rèn luyện thói quen hợp tác) | chiếu, phiếu học tập | <p><i>chỉnh cả 2 bài 10,11 Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Chia đa thức cho đơn thức”</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phép chia đa thức 2. Chia đơn thức cho đơn thức 3. Chia đa thức cho đơn thức | |
| 8 | 16 | Ôn tập giữa học | Kiến thức: | GDĐĐ: | Máy | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---------------------------|--|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | kỳ I | <p>- HS biết hệ thống các kiến thức cơ bản trong chương: Nhân, chia đơn thức, đa thức, bảy hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử.</p> <p>- HS biết tổng hợp các kiến thức trên vào rút gọn biểu thức, tính giá trị của biểu thức, tìm x, phân tích đa thức thành nhân tử, chia đa thức cho đa thức và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | <p>chiếu, phiếu học tập</p> | | |
| 9 | 17 | Kiểm tra giữa kì I | <p>Kiến thức:</p> <p>- HS biết tổng hợp các kỹ năng đã có về nhân, chia đơn thức, đa thức, bảy hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử vào các dạng bài tập rút gọn, tìm x, tính giá trị, phân tích đa thức thành nhân tử, chia đa thức cho đa thức, chia hết...</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – Trung thực (ôn tập chu đáo, trung thực khi làm bài).</p> | | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|---|---------------------------------------|---------------------|--|
| | | | Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. | | | | |
| 9 | 18 | Luyện tập | Kiến thức: - Thực hiện được phép chia đa thức cho đơn thức, biết xác định khi nào thì đa thức A chia hết cho đơn thức B. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Tự do (tự do phát triển trí thông minh) | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 10 | 19 | §12: Chia đa thức một biến đã sắp xếp (Mục 1) | Kiến thức: - Hiểu thế nào là phép chia hết. - Thực hiện được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp (trong trường hợp chia hết). - Vận dụng được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|--|---------------------------------------|---------------------|--|
| | | | lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 10 | 20 | §12: Chia đa thức một biến đã sắp xếp (Mục 2) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu thế nào là phép chia có dư - Thực hiện được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp (trong trường hợp chia có dư). - Vận dụng được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>MTBT: Tìm số dư trong phép chia đa thức 1 biến cho nhị thức $x - a$ hoặc $ax - b$</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |
| 11 | 21 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố khắc sâu kiến thức chia đa thức | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em</p> | Bảng phụ, phiếu học | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|----------------------|---|---|---------------------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>- Vận dụng được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>MTBT: Tìm số dư trong phép chia đa thức 1 biến cho nhị thức $x - a$ hoặc $ax - b$</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | làm hết khả năng công việc của mình) | tập, thước thẳng | | |
| | | | Chương II. Phân thức đại số | | | | |
| 11 | 22 | §1: Phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <p>- Phát biểu được các định nghĩa: Phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau.</p> <p>- Viết được các phân thức bằng nhau.</p> <p>- Vận dụng được định nghĩa hai phân thức bằng nhau để tìm đa thức chưa biết trong đẳng thức.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | GDDD: Khoan dung (giúp các em biết chấp nhận người khác, đánh giá cao sự khác biệt, tha thứ cho sai lầm của bạn | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|--|---------------------------------------|---------------------|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | và chính của bản thân mình ... | | | |
| 12 | 23 | §2:Tính chất cơ bản của phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những tính chất cơ bản của phân thức. - Hiểu được quy tắc đổi dấu được suy ra từ tính chất cơ bản của phân thức, vận dụng linh hoạt tính chất, quy tắc đổi dấu để biến đổi phân thức theo yêu cầu. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDĐĐ: Tự do (tự do phát triển trí thông minh). | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |
| 12 | 24 | §3: Rút gọn phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu thế nào là rút gọn một phân thức. - Vận dụng được các tính chất cơ bản của phân thức để rút gọn phân thức và những bài toán có liên quan. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | GDĐĐ: Giảm dị (giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp tự nhiên từ những điều giản dị nhất). | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|--|---------------------------------------|---------------------------------|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 13 | 25 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Rút gọn được phân thức, nhận biết được những trường hợp cần đổi dấu và biết các đổi dấu để xuất hiện nhân tử chung của tử và mẫu. Vận dụng được rút gọn phân thức để giải các dạng toán có liên quan. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |
| 13 | 26 | §4: Quy đồng mẫu thức của nhiều phân thức | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu quy tắc quy đồng mẫu các phân thức Tìm được mẫu thức chung của các phân thức, biết cách quy đồng mẫu nhiều phân thức (quy tắc ba bước). Vận dụng thành thạo quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân thức vào giải bài tập. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | Bài tập 17/SGK Không yêu cầu | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------------------|---|--|---------------------------------------|----------------------------------|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 14 | 27 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết quy đồng mẫu các phân thức. - Vận dụng thành thạo quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân thức vào giải bài tập. - Vận dụng quy đồng mẫu các phân thức để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | Bài tập 20/ SGK Không yêu cầu | |
| 14 | 28 | §5: Phép cộng các phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phép cộng các phân thức. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức để tính hợp lí. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | <p>GDDD:</p> <p>Khiêm tốn (giúp các em biết mình tuyệt vời song không huyênh hoang mà luôn có ý</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------------------|--|--|---------------------------------------|---|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | thức học hỏi, vươn lên). | | | |
| 15 | 29 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phép cộng các phân thức. - Vận dụng các kiến thức về phép cộng phân thức để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |
| 15 | 30 | § 6: Phép trừ các phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và áp dụng được quy tắc trừ hai phân thức đại số. - Hiểu được mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ phân thức. - Vận dụng được kiến thức phép trừ phân thức đại số để giải quyết một số bài toán thực tế. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và</p> | <p>GDDD: Giản dị (giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp tự nhiên từ những điều giản dị nhất).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | Mục 1. Phân thức đối- Không dạy Mục 2. Phép trừ Tiếp cận như cộng phân thức đại số. | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------------------|---|--|---------------------------------------|---|--|
| | | | lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 15 | 31 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thành thạo phép trừ phân thức đại số. - Vận dụng được kiến thức phép trừ phân thức đại số để giải quyết một số bài toán thực tế. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | Bài 59/SGK khuyến khích học sinh tự làm | |
| 16 | 32 | §7: Phép nhân các phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và áp dụng được quy tắc nhân hai phân thức đại số. - Biết các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân phân thức và vận dụng vào bài toán cụ thể. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút ra kiến thức mới)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------|---|--|---------------------------------------|---------------------|--|
| | | | tiện toán. | | | | |
| 16 | 33 | Ôn tập học kỳ I | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết hệ thống các kiến thức cơ bản trong chương: Nhân, chia đơn thức, đa thức, bảy hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử. - HS biết tổng hợp các kiến thức trên vào rút gọn biểu thức, tính giá trị của biểu thức, tìm x, phân tích đa thức thành nhân tử, chia đa thức cho đa thức và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.:</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |
| 16 | 34 | Ôn tập học kỳ I | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết hệ thống các kiến thức liên quan đến phân thức đại số, phép cộng phân thức đại số. - Vận dụng được quy tắc cộng, các tính chất của phép toán để thực hiện biến đổi hợp lý và giải một số dạng toán liên quan đến giá trị biểu thức, bài toán | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|---------|------------------------------------|--|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>trong thực tế cuộc sống.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.:</p> | | | | |
| 17 | 35 ; 36 | Kiểm tra học kỳ I | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra HS các kiến thức về cộng, trừ, nhân, chia phân thức. - Vận dụng được các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia, các tính chất của phép toán để thực hiện biến đổi hợp lý và giải một số dạng toán liên quan đến giá trị biểu thức, bài toán trong thực tế cuộc sống. <p>Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – Trung thực (ôn tập chu đáo, trung thực khi làm bài).</p> | | | |
| 17 | 37 | Trả bài kiểm tra học kỳ I (Đại số) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó củng cố các kiến thức cơ bản trong học kì 2 cho học sinh. | <p>GDDD:</p> <p>Trung thực (thẳng thắn nêu ý kiến).</p> | Bài kiểm tra | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------|--|--|--|---------------------|--|
| | | | <p>- Giúp GV có được thông tin ngược để điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | | | |
| 18 | 38 | §8: Phép chia phân thức đại số | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết được thế nào là hai phân thức nghịch đảo của nhau, tìm được phân thức nghịch đảo của phân thức cho trước.</p> <p>- Hiểu và áp dụng được quy tắc chia các phân thức đại số.</p> <p>- Nắm vững thứ tự thực hiện các phép tính khi có một dãy những phép chia và phép nhân.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút ra kiến thức mới)</p> | <p>Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng</p> | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| 18 | 39 | §9: Biến đổi các biểu thức hữu tỉ (Mục 1; 2) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nắm chắc khái niệm về biểu thức hữu tỉ. Hiểu rằng biến đổi một biểu thức hữu tỉ và việc thực hiện các phép tính về phân thức đại số từ đó biến đổi được biểu thức hữu tỉ thành một phân thức. <p>MTBT: Tính giá trị của đa thức</p> <p>BT: SGK</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút ra kiến thức mới)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 18 | 40 | §9: Biến đổi các biểu thức hữu tỉ (Mục 3) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tìm được điều kiện của biến để giá trị phân thức xác định. Thiết lập được các bước và giải được một số bài toán liên quan đến giá trị của phân thức. <p>MTBT: Tính giá trị của đa thức</p> <p>BT: SGK</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút ra kiến thức mới)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------------------|------|---|--|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| HỌC KÌ II | | | | | | | |
| 19 | 41 | Chủ đề 2. Phương trình bậc nhất một ẩn Tiết 1 §1: Mở đầu về phương trình | Kiến thức: - Nhận biết và đưa ra được một số ví dụ về phương trình một ẩn. - Hiểu khái niệm nghiệm của phương trình, hai phương trình tương đương.. - Xác định được một số có là nghiệm của một phương trình hay không? - Giải thích được sự tương đương hay không tương đương của hai phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút ra chú ý) | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 19 | 42 | Chủ đề 2. Phương trình bậc nhất một ẩn Tiết 2 §2: Phương trình | Kiến thức: - Nhận biết được phương trình bậc nhất một ẩn. - Vận dụng được 2 quy tắc biến đổi tương đương để giải phương trình bậc | GDDD: Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | bậc nhất một ẩn và cách giải | <p>nhất một ẩn.</p> <p>- Vận dụng được phương trình bậc nhất một ẩn để giải quyết một số bài toán thực tế.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút kiến thức) | | | |
| 20 | 43 | §3: Phương trình được đưa về dạng $ax + b = 0$ | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết cách biến đổi tương đương để đưa phương trình về dạng $ax + b = 0$ ($a \neq 0$).</p> <p>- Giải được phương trình có 2 vế là hai biểu thức hữu tỉ (không chứa ẩn ở mẫu).</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – hợp tác – đoàn kết (giúp các em có ý thức trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết để rút kiến thức)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 20 | 44 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <p>- Giải được các phương trình đưa được về dạng bậc nhất.</p> <p>- Vận dụng được kiến thức phương</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – Khoan dung – hợp</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | trình bậc nhất một ẩn để giải quyết một số bài toán có nội dung thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | tác – đoàn kết | | | |
| 21 | 45 | § 4: Phương trình tích | Kiến thức: - Nêu được cách tìm nghiệm của phương trình tích. - Vận dụng được phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đưa một phương trình về phương trình tích và tìm nghiệm. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Hợp tác - Trách nhiệm – Đoàn kết – Tôn trọng - Trung thực | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 21 | 46 | Luyện tập | Kiến thức: - Giải được phương trình tích. - Vận dụng được kiến thức về phương trình tích để lập luận, giải quyết một số | GDDD: Hợp tác - Trách nhiệm – Đoàn kết – | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|--|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>vấn đề toán học và một số bài toán liên quan.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | Tôn trọng - Trung thực qua trò chơi chạy tiếp sức bài 26. | | | |
| 22 | 47 | §5: Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức (Mục 1; 2) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về phương trình chứa ẩn ở mẫu. - Thiết lập được phương trình chứa ẩn ở mẫu từ tình huống đơn giản. - Tìm được điều kiện xác định của phương trình <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD: Tôn trọng – Khoan dung – Khiêm tốn</p> <p>- Trung thực</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 22 | 48 | §5: Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức (Mục 3; 4) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu. - Giải được một số phương trình ở mẫu đơn giản. | <p>GDDD: Tôn trọng – Khoan dung – Khiêm tốn</p> <p>- Trung thực</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|---|-----------------------------|--|--|
| | | | Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | (giúp các em có ý thức về sự đoàn kết, rèn luyện thói quen hợp tác, khiêm tốn qua bài 29. | | | |
| 23 | 49 | Luyện tập Kiểm tra 15 phút | Kiến thức: - Giải được một số phương trình chứa ẩn ở mẫu đơn giản. - Vận dụng kiến thức về phương trình ở mẫu để lập luận, giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Tôn trọng – Khoan dung – Khiêm tốn - Trung thực | Máy chiếu | Kiểm tra, đánh giá thường xuyên - Hình thức: viết trên giấy - Tỷ lệ: trắc nghiệm 40% và tự luận 60% | |
| 23 | 50 | §6, §7: Giải bài toán bằng cách lập phương trình | Kiến thức: - Hiểu được các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình. - Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải phương trình.. - Giải được một số bài toán dạng đơn | GDDD: Hạnh phúc (giúp các em cảm nhận được niềm vui, hạnh | Máy chiếu, phiếu học tập | §6, §7. Ghép cấu trúc thành 01 bài: Giải bài toán bằng cách | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------|--|--|-----------------------------|---|--|
| | | | <p>giản bằng cách lập phương trình.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | phúc, sự chia sẻ từ những việc nhỏ nhất) | | <p>lập phương trình</p> <p>1. Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn.</p> <p>2. Giải bài toán bằng cách lập phương trình (Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế).</p> <p>?1, ?2. ?3.</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| 24 | 51 | Giải bài toán bằng cách lập phương trình (tiếp) | <p>Kiến thức:</p> <p>- HS có kĩ năng phân tích bài toán, tóm tắt bài toán, nắm bắt được các đại lượng đã biết và các đại lượng chưa biết, mối quan hệ giữa các đại lượng trong bài toán chuyển động để chuyển sang dạng toán giải phương trình.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD: Tự do – Trung thực (tự do phát triển trí thông minh của mình, thẳng thắn khi trình bày ý kiến trên tinh thần hợp tác</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 24 | 52 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết các giải bài toán bằng cách lập phương trình trong dạng toán tìm số, tìm tuổi, tỉ số phần trăm.</p> <p>- Vận dụng kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình để lập luận, giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương</p> | <p>GDDD: Khiêm tốn – Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng của mình. Biết khiêm tốn không huyênh hoang qua</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|----------|---|--|--|--|---------------------|--|
| | | | tiện toán. | bài 36, 39/SGK) | | | |
| 25 | 53 54 | Ôn tập chương 3 (với sự trợ giúp của máy tính CASIO hoặc máy tính tương đương) MTCT: Giải phương trình bậc nhất 1 ẩn | Kiến thức: - HS biết hệ thống kiến thức cơ bản trong chương bằng sơ đồ tư duy. - Giải được một số dạng bài tập giải phương trình bậc nhất, phương trình tích, phương trình đưa về phương trình bậc nhất một ẩn. - Biết sử dụng chức năng của MTCT để giải phương trình bậc nhất một ẩn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Tự do (HS tự do phát triển trí thông minh, thẳng thắn nói lên ý kiến của mình với tinh thần hợp tác qua bài 53-SGK) | Máy chiếu, phiếu học tập, máy tính cầm tay | | |
| 26 | 55 56 | Kiểm tra giữa kì 2 | Kiến thức: - Kiểm tra HS các kiến thức về phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu, các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình. - Vận dụng thành thạo các kiến thức vào làm các bài tập: Xác định một số là nghiệm của phương trình, giải bài toán | GDDD: Trách nhiệm – Trung thực (ôn tập chu đáo, trung thực khi làm bài). | | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------------|--|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | bằng cách lập hệ phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| | | | Chương IV. Bất phương trình bậc nhất một ẩn | | | | |
| 27 | 57 | §1: Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng | Kiến thức: - Nhận biết được bất đẳng thức, vế trái, vế phải của bất đẳng thức. - Biết tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép cộng ở dạng bất đẳng thức, tính chất bắc cầu của thứ tự. - Vận dụng được mối liên hệ giữa thứ tự và phép cộng để chứng minh bất đẳng thức. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Trung thực (thẳng thắn khi nêu ý kiến). | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------------|--|--|-----------------------------|--|--|
| 27 | 58 | §2: Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân (với số dương và với số âm) ở dạng bất đẳng thức. - Biết sử dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép nhân, tính chất bắc cầu để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức (qua một số kĩ thuật suy luận). <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trung thực (thẳng thắn khi nêu ý kiến).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 28 | 59 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép cộng, phép nhân để so sánh biểu thức chứa chữ và chứa số. - Biết chứng minh bất đẳng thức bằng cách vận dụng phối hợp các tính chất. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | Bài 10, 12/SGK. Khuyến khích học sinh tự làm. | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|--|-----------------------------|---|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 28 | 60 | §3: Bất phương trình một ẩn | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn. Biết kiểm tra một số có là nghiệm của bất phương trình một ẩn hay không. Biết viết và biểu diễn tập nghiệm của bất phương trình trên trục số. Chuyển được một số tình huống thành bất phương trình một ẩn. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 29 | 61 | §4: Bất phương trình bậc nhất một ẩn (Mục 1; 2) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn. Hiểu và áp dụng được từng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải bất phương trình; trình bày được lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn. | <p>GDDD:</p> <p>Trung thực (thẳng thắn khi nêu ý kiến).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | <p>Bài tập 21, 27/SGK.</p> <p>Khuyến khích học sinh tự làm.</p> | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>- Biết sử dụng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải thích sự tương đương của bất phương trình.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | | | |
| 29 | 62 | §5: Bất phương trình bậc nhất một ẩn (tiếp) | <p>Kiến thức:</p> <p>- Vận dụng được quy tắc biến đổi bất phương trình để giải được bất phương trình đưa được về dạng bất phương trình bậc nhất một ẩn.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trung thực (thẳng thắn khi nêu ý kiến).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 30 | 63 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết cách giải một số bất phương trình đưa được về bất phương trình bậc nhất một ẩn, biểu diễn tập nghiệm của bất phương trình trên trục số.</p> <p>- Vận dụng được bất phương trình bậc</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|---|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | nhất một ẩn vào giải một số bài toán ứng dụng thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | thực hiện nhiệm vụ) | | | |
| 30 | 64 | §6: Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối. | Kiến thức: - Biết bỏ dấu giá trị tuyệt đối ở biểu thức dạng $ ax $ và $ x + b $. - Biết rút gọn biểu thức chứa dấu giá trị tuyệt đối và giải một số phương trình dạng $ ax = cx + d$ và dạng $ x + b = cx + d$ (a, b, c, d là hằng số). Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 31 | 65 | Ôn tập chương IV | Kiến thức: - Biết sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức về bất đẳng thức, bất phương trình một ẩn, bất phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối. | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------------|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | <p>- Vận dụng các kiến thức đã học giải thành thạo bất phương trình bậc nhất một ẩn và phương trình dạng $ax = cx + d$; dạng $x + b = cx + d$.</p> <p>- Vận dụng để giải quyết một số bài toán thực tiễn.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | | | |
| 31 | 66 | Ôn tập cuối học kỳ II | <p>Kiến thức:</p> <p>- Vận dụng thành thạo các kiến thức về phương trình bậc nhất một ẩn để giải được một số dạng bài tập giải phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình.</p> <p>- Vận dụng được kiến thức về phương trình để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------------------|--|--|-----------------------------|---------------------|--|
| 32 | 67 | Ôn tập cuối học kỳ II | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thành thạo các kiến thức về bất phương trình bậc nhất một ẩn để giải được một số dạng bài giải bất phương trình, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối, chứng minh bất đẳng thức. - Vận dụng được kiến thức về bất phương trình để giải quyết một số bài toán thực tiễn. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập | | |
| 33 | 68 | Kiểm tra cuối học kỳ II | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết tổng hợp các kỹ năng đã có về phương trình, bất phương trình bậc nhất một ẩn để lập luận và giải quyết các dạng bài tập có liên quan. <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> | <p>GDDD:</p> <p>Trách nhiệm – Trung thực (ôn tập chu đáo, trung thực khi làm bài).</p> | | | |
| 34 | 69 | Kiểm tra cuối | Kiến thức: | GDDD: | | | |

| Tuần | Tiết | Chương / Bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------------------------------|---|--|-----------------------------|---------------------|--|
| | | học kỳ II | <p>- HS biết tổng hợp các kỹ năng đã có về phương trình, bất phương trình bậc nhất một ẩn để lập luận và giải quyết các dạng bài tập có liên quan.</p> <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> | Trách nhiệm – Trung thực (ôn tập chu đáo, trung thực khi làm bài). | | | |
| 35 | 70 | Trả bài kiểm tra học kỳ II (Đại số) | <p>Kiến thức:</p> <p>- HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó học sinh biết điều chỉnh lại quá trình học tập để đạt hiệu quả tốt nhất.</p> <p>- Giúp GV có được thông tin ngược để điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Trung thực (thẳng thắn nêu ý kiến). | Bài kiểm tra | | |

HÌNH HỌC 8

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|--|---|----------------------------------|--|
| 1 | 1 | Chủ đề 1 Tứ giác Tiết 1 - §1: Tứ giác | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết các khái niệm: tứ giác, tứ giác lồi. - Biết định lí về tổng 4 góc của tứ giác. - Vẽ và gọi tên được các yếu tố của tứ giác. - Vận dụng được định lí về tổng bốn góc của tứ giác để giải các bài tập tính số đo góc. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDĐĐ: Trung thực, hợp tác, tự do, đoàn kết (Bài 5/SGK-38 giáo dục ý thức trách nhiệm, tính tự do, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân và lựa chọn cho cuộc sống).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke | | |
| 1 | 2 | §2: Hình thang | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết các khái niệm: Hình thang, hình thang vuông. - Biết vẽ và gọi tên được các yếu tố của hình thang, hình thang vuông. - Vận dụng được tính chất của hình thang để tìm một số yếu tố chưa biết. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng</p> | <p>GDĐĐ: Trung thực, tự do, trách nhiệm (Bài 6/SGK-70 học sinh tự do phát triển trí thông minh,</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo | Bài 10/SGK. Không yêu cầu | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------|--|---|---|---------------------|--|
| | | | ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | thăng thấn nói lên ý kiến trên tinh thần hợp tác, xây dựng). | góc, Ê-ke | | |
| 2 | 3 | §3: Hình thang cân | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và vẽ được hình thang cân. - Vận dụng được tính chất của hình thang cân để giải quyết một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình thang cân để chứng minh một tứ giác là hình thang cân. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD: Hợp tác, trách nhiệm, đoàn kết, hạnh phúc (qua ?2 học sinh học sinh tự do phát triển trí thông minh, thăng thấn nói lên ý kiến trên tinh thần hợp tác, xây dựng).</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke | | |
| 2 | 4 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết của hình thang cân. - Vận dụng được một số tính chất về cạnh, góc, đường chéo của hình thang cân để giải quyết một số bài tập chứng minh, tính số đo góc. | <p>GDDD: Trung thực, trách nhiệm (Bài 11/SGK-74 học sinh trung thực với bản thân và chịu trách</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|---|--|---------------------|--|
| | | | Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | nhiệm với quyết định của mình) | góc, Ê-ke | | |
| 3 | 5 | §4: Đường trung bình của tam giác, của hình thang (Mục 1) | Kiến thức: - Phát biểu được định nghĩa đường trung bình, các định lý và tính chất đường trung bình của tam giác. - Biết xác định đường trung bình của tam giác, biết áp dụng định lý về đường trung bình của tam giác để giải bài tập có liên quan: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm, chứng minh song song. - Nhớ được một số ứng dụng về đường trung bình của tam giác. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Trung thực, hợp tác, tự do, đoàn kết (?1. học sinh có ý thức trách nhiệm, tính tự do phát huy tiềm năng của bản thân và lựa chọn cho cuộc sống). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke, compa | | |
| 3 | 6 | §4: Đường trung bình của | Kiến thức: - Phát biểu được định nghĩa đường | GDDD: Trung thực, hợp tác, | Máy chiếu, | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|----------------------------------|--|---|---|---------------------|--|
| | | tam giác, của hình thang (Mục 2) | <p>trung bình, các định lí và tính chất đường trung bình của hình thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết xác định đường trung bình của hình thang, biết áp dụng định lí về đường trung bình của hình thang để giải bài tập có liên quan: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm, chứng minh song song. - Nhớ được một số ứng dụng về đường trung bình của hình thang. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | tự do, trách nhiệm (?5/SGK-79, học sinh trung thực với bản thân và chịu trách nhiệm với quyết định của mình). | phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke | | |
| 4 | 7 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng các tính chất về đường trung bình của tam giác, của hình thang để giải bài tập có liên quan: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm, chứng minh song song. - Vận dụng các kiến thức về đường | GDĐĐ: Trung thực, trách nhiệm (bài 26/SGK-80, học sinh trung thực với bản thân và chịu | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------------------------|---|---|---|---|--|
| | | | <p>trung bình của tam giác, hình thang vào một số bài toán thực tế.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | trách nhiệm với quyết định của mình). | góc, Ê-ke | | |
| | | §5. Dụng hình bằng thước và compa | | | | Không dạy | |
| 4 | 8 | §6: Đối xứng trục | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết các khái niệm: hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua một đường thẳng, hình có trục đối xứng.. - Bước đầu xác định được trục đối xứng của một hình trong thực tiễn - Biết vẽ hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua trục. - Vận dụng được tính chất của trục đối xứng để giải một số bài tập thực tiễn. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và</p> | <p>GDDD: Hợp tác – trách nhiệm – đoàn kết – hạnh phúc (?4/SGK-86, học sinh hoạt động nhóm trên tinh thần hợp tác, trách nhiệm, đoàn kết, nhất trí vì mục tiêu chung.</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, Ê-ke, giấy bìa, kéo | <p>Nội dung điều chỉnh (trang 84)</p> <p>Mục 2. Mục 3.</p> <p>Chỉ yêu cầu hs nhận biết được một hình cụ thể có đối xứng qua trục hay</p> | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------------|---|---|---|--|--|
| | | | lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | Tự do phát biểu ý kiến của mình). | | không, có trực đối xứng hay không. Không phải giải thích, chứng minh. | |
| 5 | 9 | Luyện tập Kiểm tra 15 phút | Kiến thức: - Biết xác định trục đối xứng của một hình trong thực tiễn - Biết vẽ hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua trục. - Vận dụng được tính chất của trục đối xứng để giải một số bài tập chứng minh và bài tập thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Hòa bình, tôn trọng, yêu thương, hạnh phúc, trung thực (Bài 40/SGK-88, học sinh trung thực với bản thân, chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Áp dụng vào ATGT | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, Ê-ke, giấy bìa, kéo | Kiểm tra, đánh giá thường xuyên - Hình thức: viết trên giấy - Tỷ lệ: trắc nghiệm 40% và tự luận 60% | |
| 5 | 10 | §7: Hình bình hành | Kiến thức: - Biết khái niệm hình bình hành. - Biết các tính chất cơ bản của hình bình hành, dấu hiệu nhận biết hình bình | GDDD: Hợp tác, tự do, đoàn kết, trung thực (?3-92, Học | Máy chiếu, phiếu học tập, | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------|--|--|--|---------------------|--|
| | | | <p>hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vẽ hình bình hành. - Vận dụng được tính chất của hình bình hành để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình bình hành để chứng minh một tứ giác là hình bình hành. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>sinh hoạt động nhóm thể hiện tính hợp tác, trách nhiệm với công việc, đoàn kết nhất trí vì mục đích chung. Tự do phát biểu ý kiến của chính mình)</p> | <p>Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke</p> | | |
| 6 | 11 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình bình hành. - Vận dụng được tính chất của hình bình hành để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình bình hành để chứng minh một tứ giác là hình bình hành. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử</p> | <p>GDDD: Trung thực – Trách nhiệm (bài 47/SGK, học sinh trung thực với bản thân và chịu trách nhiệm với quyết định của mình)</p> | <p>Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke</p> | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------|---|---|--|---------------------|--|
| | | | dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 6 | 12 | §8: Đối xứng tâm | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm: Hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua một điểm, hình có tâm đối xứng, hình có trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình. - Biết cách vẽ: Hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua tâm. - Biết tính chất cơ bản của đối xứng tâm. - Bước đầu nhận biết được hình có tâm đối xứng trong thực tiễn. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng | | |
| 7 | 13 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được tính chất của đối xứng tâm để giải một số bài tập. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em có ý thức về sự đoàn kết, hợp tác) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------------|---|---|--|---|--|
| | | | dụng công cụ và phương tiện toán. | | chia khoảng | | |
| 7 | 14 | §9: Hình chữ nhật | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm hình chữ nhật - Biết các tính chất cơ bản của hình chữ nhật, dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật. - Biết vẽ hình chữ nhật - Vận dụng được tính chất của hình chữ nhật để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật để chứng minh một hình là hình chữ nhật. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Trung thực (thăng thấn nêu ý kiến) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, thước đo góc, Ê-ke, Com-pa | Bài 62/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |
| 8 | 15 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình chữ nhật, - Vận dụng được tính chất của hình chữ | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em có thói quen về sự | Máy chiếu, phiếu học tập, | Bài 66/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------------------|--|---|---|---------------------|--|
| | | | <p>nhật để giải một số bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật để chứng minh một hình là hình chữ nhật. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | đoàn kết, hợp tác) | Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke, Com-pa | | |
| 8 | 16 | Ôn tập giữa kỳ I | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh biết vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa các kiến thức về tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành. Hiểu được mạch kiến thức cơ bản của chương. - Vẽ được sơ đồ về mối quan hệ giữa các hình. - Vận dụng được tính chất của các hình để giải một số bài tập có liên quan. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em có ý thức về sự đoàn kết, rèn luyện thói quen hợp tác) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke, Com-pa | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|--|--|---|---------------------|--|
| | | | dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 9 | 17 | Kiểm tra giữa kỳ 1 | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các hình đã học - Chứng minh một tứ giác là hình thang, hình thang cân, hình bình hành. - Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng song song, tập hợp điểm. <p>Năng lực: Tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề</p> | GD ĐĐ: Chăm chỉ, trung thực | | | |
| 9 | 18 | §10: Đường thẳng song song với một đường cho trước | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định khoảng cách giữa hai đường thẳng song song. - Vẽ được một đường thẳng song song cách đường thẳng cho trước một khoảng cố định. - Vận dụng được tính chất các điểm cách đều đường thẳng cho trước để giải các bài tập về tập hợp điểm. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử</p> | GDĐĐ: Tự do (tự do phát triển trí thông minh) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|----------------|--|---|---|----------------------------|--|
| | | | dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 10 | 19 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhớ được tính chất của các điểm cách đều một đường thẳng cho trước. Tính chất các đường thẳng song song cách đều. Biết cách xác định khoảng cách giữa hai đường thẳng song song. Biết vận dụng tính chất các điểm cách đều một đường thẳng cho trước, tính chất của các đường thẳng song song cách đều để giải một số dạng toán liên quan. Nhớ được một số ứng dụng trong thực tế của các đường thẳng song song cách đều. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em có ý thức về sự đoàn kết, rèn luyện thói quen hợp tác) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke | | |
| 10 | 20 | §11: Hình thoi | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết khái niệm hình thoi | GDDD: Trách nhiệm (giúp các | Máy chiếu, | <i>Nội dung điều chỉnh</i> | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------|---|--|--|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết các tính chất cơ bản của hình thoi, dấu hiệu nhận biết hình thoi. - Biết vẽ hình thoi - Vận dụng được tính chất của hình thoi để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình thoi để chứng minh một hình là hình thoi. | em làm hết khả năng công việc của mình) | phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, thước đo góc, Ê-ke, Com-pa | <i>(trang 102)</i> Mục 3: Không dạy | |
| 11 | 21 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình thoi. - Vận dụng được tính chất của hình thoi để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình thoi để chứng minh một hình là hình thoi. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Trách nhiệm (giúp các em làm hết khả năng công việc của mình) | Thước thẳng có chia khoảng | | |
| 11 | 22 | §12: Hình vuông | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm hình vuông | GDDD: Trách nhiệm (giúp các | Máy chiếu, | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---------------|---|---|--|---------------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết các tính chất cơ bản của vuông, dấu hiệu nhận biết hình vuông. - Biết vẽ hình vuông. - Vận dụng được tính chất của hình vuông để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình vuông để chứng minh một hình là hình vuông. | em làm hết khả năng công việc của mình) | phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, thước đo góc, Ê-ke, Com-pa | | |
| 12 | 23 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình vuông. - Vận dụng được tính chất của hình vuông để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình vuông để chứng minh một hình là hình vuông. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giúp các em có ý thức về sự đoàn kết, rèn luyện thói quen hợp tác) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke | | |
| 12 | 24 | Ôn tập chương | | | | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------------------|---|---|---|---|--|
| | | I | | | | | |
| | | | Chương II: Đa giác, diện tích đa giác | | | | |
| 13 | 25 | §1: Đa giác. Đa giác đều | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đa giác lồi, đa giác đều. - Vẽ và gọi tên được các yếu tố của đa giác, đa giác đều. - Xác định được tâm đối xứng, trục đối xứng của đa giác đều. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Hạnh phúc (Hạnh phúc khi phát hiện ra các đa giác đều có hình dạng rất đẹp và được sử dụng nhiều trong cuộc sống). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke, Com - pa | | |
| 13 | 26 | §2: Diện tích hình chữ nhật | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết các khái niệm diện tích, đơn vị đo diện tích. - Biết tính chất của diện tích. - Biết cách tính diện tích của một hình theo đơn vị cho trước, diện tích của hình chữ nhật, hình vuông. - Vận dụng được công thức tính diện tích hình chữ nhật và tam giác vuông trong thực tiễn. | GDDD: Trung thực – Hạnh phúc – Trách nhiệm (bài 7/SGK-118 -tập 1: Biết áp dụng công thức đã học để tính toán chính xác và có | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke, thước dây (thước | Bài 14/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------|---|---|---|---|--|
| | | | Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | thể áp dụng kiểm tra một gian phòng có đạt mức chuẩn về ánh sáng? | cuộn) | | |
| 14 | 27 | Luyện tập | Kiến thức: - Vận dụng công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác vuông để giải một số bài toán liên quan. - Vận dụng được công thức tính diện tích hình chữ nhật và tam giác vuông trong thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Hợp tác – Trung thực (Bài 14/SGK-119 (tập 1): Biết áp dụng toán học để giải quyết các yêu cầu thực tế trong cuộc sống) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | Bài 15/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |
| 14 | 28 | §3: Diện tích tam giác | Kiến thức: - Biết cách tính và biết công thức tính diện tích tam giác. - Vận dụng công thức tính diện tích tam giác để giải các bài tập cụ thể. - Vận dụng được kiến thức về tam giác để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. | GDDD: Trung thực – Trách nhiệm (giúp các em ý thức và rèn luyện thói quen hợp tác, liên kết vì một mục đích | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------|---|--|---|---------------------|--|
| | | | Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | chung, có trách nhiệm với công việc của mình) | | | |
| 15 | 29 | Ôn tập học kỳ I | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thành thạo các kiến thức về tứ giác, tứ giác đặc biệt (khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết) để chứng minh những bài tập liên quan. - Vận dụng được kiến thức về tứ giác đặc biệt để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, thước đo góc, Ê-ke, Com - pa | | |
| 16 | 30 | Ôn tập học kỳ I | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thành thạo các kiến thức về tứ giác, tứ giác đặc biệt (khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết) để chứng minh những bài tập liên quan. - Vận dụng được kiến thức về tứ giác đặc biệt để lập luận và giải quyết một | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|--|---|---------------------|--|
| | | | số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | thước đo góc, Ê-ke, Com - pa | | |
| 17 | 31 | Luyện tập | Kiến thức: - Vận dụng công thức tính diện tích tam giác để giải các bài tập cụ thể. - Vận dụng được kiến thức về tam giác để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 18 | 32 | Trả bài kiểm tra cuối học kỳ I (Hình học) | Kiến thức: - HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó củng cố các kiến thức cơ bản trong học kì 2 cho học sinh. - Giúp GV có được thông tin ngược để | GDDD: Trung thực (thẳng thắn nêu ý kiến). | Bài kiểm tra | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------------------|------|--------------------------|---|--|---|---------------------|--|
| | | | <p>điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | | | |
| HỌC KÌ II | | | | | | | |
| 19 | 33 | §4: Diện tích hình thang | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cách xây dựng công thức tính diện tích hình thang.. - Vận dụng công thức tính diện tích hình thang để giải quyết các bài tập cụ thể. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Trung thực – Trách nhiệm (Bài 26/SGK-125 (tập 1): Giúp các em ý thức và rèn luyện thói quen hợp tác, liên kết vì một mục đích chung, có trách nhiệm với công việc của mình.). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 19 | 34 | §5: Diện tích | Kiến thức: | GDDD: Trung | Máy | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------------|--|---|---|---------------------|--|
| | | hình thoi | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cách xây dựng công thức tính diện tích hình thoi - Vận dụng công thức tính diện tích hình thoi để giải quyết các bài tập cụ thể. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>thực – Trách nhiệm (Mục 3- Ví dụ: Giúp các em ý thức và rèn luyện thói quen hợp tác, liên kết vì một mục đích chung, có trách nhiệm với công việc của mình. Biết sử dụng toán học giải quyết các vấn đề thực tế.</p> | chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 20 | 35 | §6: Diện tích đa giác | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tính diện tích đa giác dựa vào cách tính diện tích các đa giác đã biết. - Vận dụng được cách tính diện tích đa giác vào một số bài toán có nội dung thực tế, liên môn. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng</p> | <p>GDĐĐ: Trung thực – Trách nhiệm – Tự do (Tự do phát triển trí thông minh, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|---|---|---|---|--|
| | | | ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | và lựa chọn được cách làm hợp lí nhất. Giúp các em ý thức và rèn luyện thói quen hợp tác, liên kết vì một mục đích chung, có trách nhiệm với công việc của mình. Biết sử dụng toán học giải quyết các vấn đề thực tế. | | | |
| 20 | 36 | Chủ đề 2. Định lý Ta – let Tiết 1 - §1: Định lý Talet trong tam giác | Kiến thức: - Phát biểu được định nghĩa tỉ số của hai đoạn thẳng, đoạn thẳng tỉ lệ, định lý Talet trong tam giác. - Tính được tỉ số hai đoạn thẳng. - Vận dụng được định lý Ta – let để tính độ dài đoạn thẳng. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và | GDĐĐ: Tôn trọng – Trách nhiệm – Trung thực – Giản dị (Mục 3: tôn trọng, trách nhiệm, trung thực trong đời sống) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, | Bài 14/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|--|--|---|---|--|
| | | | lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | Ê-ke | | |
| 21 | 37 | Chủ đề 2. Định lý Ta – let Tiết 2 - § 2: Định lý đảo và hệ quả của định lý Talet | Kiến thức: - Phát biểu được định lý đảo và hệ quả của định lý Ta-let. - Áp dụng định lý Ta – let đảo để chỉ ra các cặp đường thẳng song song. - Tính được độ dài đoạn thẳng trong tam giác nhờ định lý Ta – let. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác – Trách nhiệm (Mục 1: Ý thức, trách nhiệm, tự do phát huy khả năng của bản thân) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 21 | 38 | Chủ đề 2. Định lý Ta – let Tiết 3 - Luyện tập | Kiến thức: - Vận dụng được các định lý và hệ quả của định lý Ta – let vào chứng minh góc bằng nhau, hệ thức giữa các đoạn thẳng, cặp đường thẳng song song. Tính độ dài đoạn thẳng.... - Tìm được: Một số ứng dụng của định lý Ta – let trong đời sống. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng | GDDD: Trách nhiệm – Giản dị (Bài tập 12: Trách nhiệm và không làm mọi việc trở lên phức tạp) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | Bài 21/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|--|--|--|--|--|
| | | | ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 22 | 39 | §3: Tính chất đường phân giác của tam giác | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được: Tính chất đường phân giác trong tam giác. - Biết cách: Đọc tỉ số khi có đường phân giác trong và đường phân giác ngoài. - Biết vận dụng tính chất đường phân giác vào việc tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh đường thẳng song song.. - Tìm hiểu được: Một vài ứng dụng của đường phân giác trong cuộc sống. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Hợp tác – Trách nhiệm (Mục ?1: Có tinh thần trách nhiệm, hợp tác tốt trong công việc) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, Ê-ke | | |
| 22 | 40 | Luyện tập Kiểm tra 15 phút | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất đường phân giác trong tam giác vào chứng minh góc | GDDD: Trách nhiệm – Trung thực – Yêu | Máy chiếu, phiếu học | Kiểm tra, đánh giá thường xuyên | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------------|---|--|---|---|--|
| | | | <p>bằng nhau, các hệ thức về độ dài đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng, tính diện tích các hình.</p> <p>- Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số tình huống thực tế.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | thương (Bài 21, 22: Thể hiện tính trung thực, trách nhiệm, được mọi người tin yêu) | tập, Thước thẳng, Ê-ke, tam giác đồng dạng bằng bìa cứng. | <p>- Hình thức: viết trên giấy</p> <p>- Tỷ lệ: trắc nghiệm 40% và tự luận 60%</p> | |
| 23 | 41 | §4: Khái niệm hai tam giác đồng dạng | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết được: Định nghĩa hai tam giác đồng dạng, tính chất, kí hiệu đồng dạng, tỉ số đồng dạng.</p> <p>- Hiểu được: Các bước chứng minh định lý, vận dụng định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng.</p> <p>- Biết cách: Dựng một tam giác đồng dạng với một tam giác cho trước theo tỉ số đồng dạng.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề</p> | GDDD: Trách nhiệm – Đoàn kết (Mục ?1: Tính toán chính xác, cùng nhau làm tốt công việc được giao) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------------------------|---|---|---|---------------------|--|
| | | | toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 23 | 42 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được 2 tam giác có đồng dạng hay không từ những dữ kiện đã cho của 2 tam giác. - Vận dụng tính chất của 2 tam giác đồng dạng để tính số đo góc, tính độ dài đoạn thẳng, tính tỉ số đồng dạng. - Biết chứng minh 2 tam giác đồng dạng. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDĐĐ: Tôn trọng – Trách nhiệm – Trung thực – Giản dị - Hợp tác (Bài 26, 27, 28: Tôn trọng, trách nhiệm, giản dị trong cuộc sống) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 24 | 43 | §5: Trường hợp đồng dạng thứ nhất | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu và chứng minh được định lý về trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác. - Nhận biết được hai tam giác đồng dạng theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh. - Vận dụng được định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng, tính số đo góc, | GDĐĐ: Tôn trọng – Trách nhiệm – Trung thực (Mục ?1, ?2: Thể hiện tính tôn trọng, trung thực, trách nhiệm). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|----------------------------------|--|---|---|---|--|
| | | | <p>độ dài cạnh, chứng minh góc bằng nhau, đẳng thức.....</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | | | |
| 24 | 44 | §6: Trường hợp đồng dạng thứ hai | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu và chứng minh được định lý về trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác. - Nhận biết được hai tam giác đồng dạng theo trường hợp cạnh – góc – cạnh. - Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ hai để giải một số bài toán cơ bản. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD: Tôn trọng – Trách nhiệm – Trung thực – Giản dị (Mục 1, mục 2: Học sinh có trách nhiệm sống trung thực, giản dị)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | Bài 34/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |
| 25 | 45 | §7: Trường | <p>Kiến thức:</p> | <p>GDDD: Tôn</p> | Máy | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------|--|---|---|---------------------|--|
| | | hợp đồng dạng thứ ba | <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu và chứng minh được định lý về trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác. - Nhận biết được hai tam giác đồng dạng theo trường hợp góc – cạnh – góc. - Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ ba để giải một số bài toán cơ bản. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | trọng – Trách nhiệm – Trung thực – Giản dị (Mục 1: Học sinh có trách nhiệm sống trung thực, giản dị) | chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 25 | 46 | Ôn tập giữa kỳ II | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức trọng tâm - Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh các góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài, đoạn thẳng bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích các hình, tam giác đồng dạng... | GDDD: Trách nhiệm – Trung thực – Tôn trọng – Hợp tác (Ý thức trách nhiệm đo đạc cẩn thận. Ghi số đo chính xác. Tôn trọng kết | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke, máy tính cầm tay | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|---|---|----------------------------------|--|
| | | | Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | quả đo của bạn. Hợp tác nhóm trong thực hành) | | | |
| 26 | 47 | Luyện tập | Kiến thức: - Nhận diện, chứng minh được cặp tam giác đồng dạng bằng các dấu hiệu. - Vận dụng được tỉ số các cạnh của hai tam giác đồng dạng để chứng minh các hệ thức, tính độ dài các đoạn thẳng trong tam giác. - Biết vận dụng kiến thức về tam giác đồng dạng để giải quyết các bài toán thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDĐĐ: Trách nhiệm – Trung thực – Giản dị - Hợp tác – Yêu thương – Khoan dung (Bài 39, 43: Hình thành tính trách nhiệm, giản dị yêu thương, khoan dung trong cuộc sống) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 26 | 48 | §8: Các trường hợp đồng dạng của tam giác | Kiến thức: - Nêu được dấu hiệu đồng dạng của tam giác vuông. | GDĐĐ: Trách nhiệm (cẩn thận trong giải toán) | Máy chiếu, phiếu học | Nội dung điều chỉnh(trang | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------|--|---|-----------------------------|---|--|
| | | vuông | <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được định lý về dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng. - Vận dụng được các định lý để tính tỉ số các đường cao, tỉ số diện tích của hai tam giác đồng dạng. - Vận dụng được kiến thức về tam giác đồng dạng để giải toán. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | tập, Thước thẳng, Ê-ke | <p>81) Mục 2,?: Hình c và hình d, GV tự chọn độ dài các cạnh sao cho kết quả khai căn là số tự nhiên. Ví dụ: $A'B' = 5$; $B'C' = 13$. $AB = 10$; $BC = 26$ Bài tập 57 (trang 92): Không yêu cầu học sinh làm</p> | |
| 27 | 49 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các định lý đã học vào chứng minh các hệ thức về độ dài đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng. | GDĐĐ: Trách nhiệm (cẩn thận trong giải toán) | Máy chiếu, phiếu học tập, | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|--|--|---------------------|--|
| | | | <p>- Vận dụng được các kiến thức về tam giác vuông đồng dạng trong đời sống hàng ngày.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 27 | 50 | §9: Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết được: Cách đo khoảng cách giữa hai điểm mà cách đo trực tiếp khó thực hiện.</p> <p>- Biết cách: Sử dụng thước ngắm để xác định điểm nằm trên đường thẳng, giác kế để đo góc trên mặt đất, thước đo độ dài đoạn thẳng trên mặt đất.</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDDD: Trách nhiệm – Trung thực (Ý thức trách nhiệm đo đạc cẩn thận. Ghi số đo chính xác)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng có chia khoảng, Ê-ke | | |
| 28 | 51 | Thực hành (Đo chiều cao) | <p>Kiến thức:</p> <p>- Sử dụng được các dụng cụ đo đạc cơ</p> | GDDD: Trách nhiệm – Trung | Phiếu thực | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--|--|--|--|---------------------|--|
| | | <i>của một vật, trong đó có một điểm không thể tới được)</i> | bản (thước kẻ, giác kế, thước dây); Vận dụng được kiến thức về tam giác đồng dạng để xác định chiều cao, khoảng cách khó đo trực tiếp được. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | thực – Tôn trọng – Hợp tác (Ý thức trách nhiệm đo đạc cẩn thận. Ghi số đo chính xác. Tôn trọng kết quả đo của bạn. Hợp tác nhóm trong thực hành) | hành, 04 giác kế, 04 thước dây, 04 thước kẻ | | |
| 28 | 52 | Thực hành (Đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể tới được) | Kiến thức: - Sử dụng được các dụng cụ đo đạc cơ bản (thước kẻ, giác kế, thước dây); Vận dụng được kiến thức về tam giác đồng dạng để xác định chiều cao, khoảng cách khó đo trực tiếp được. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | GDĐĐ: Trách nhiệm – Trung thực – Tôn trọng – Hợp tác (Ý thức trách nhiệm đo đạc cẩn thận. Ghi số đo chính xác. Tôn trọng kết quả đo của bạn. Hợp tác nhóm | Phiếu thực hành, 04 giác kế, 04 thước dây, 04 thước kẻ | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|--|--|---|--|--|
| | | | | trong thực hành) | | | |
| 29 | 53 | Ôn tập chương 3 (với sự trợ giúp của máy tính CASIO hoặc máy tính tương đương) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức trọng tâm của chương. - Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh các góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài, đoạn thẳng bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích các hình, tam giác đồng dạng... <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | <p>GDĐĐ: Trách nhiệm – Trung thực – Tôn trọng – Hợp tác (Ý thức trách nhiệm đo đạc cẩn thận. Ghi số đo chính xác. Tôn trọng kết quả đo của bạn. Hợp tác nhóm trong thực hành)</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke, máy tính cầm tay | Bài 61/SGK. Khuyến khích hs tự làm | |
| | | | Chương IV. Hình lăng trụ đứng. Hình chóp đều | | | | |
| 29 | 54 | §1: Hình hộp chữ nhật | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được một số yếu tố cơ bản về các mặt của hình hộp chữ nhật. Hiểu được hình lập phương là hình hộp chữ | <p>GDĐĐ: Hòa bình (Lồng ghép hình ảnh giới thiệu bao</p> | Máy chiếu, phiếu học tập, | Trùng lặp: Khái niệm hình hộp chữ nhật đã học | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-----------------------|--|--|--|--|--|
| | | | <p>nhật có 6 mặt là hình vuông.</p> <p>- Nhận dạng được một số hình trong thực tế có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</p> <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học</p> | diêm thống nhất). | Thước thẳng, Ê-ke, mô hình hình hộp chữ nhật | môn Công nghệ 8 – Bài 4 | |
| 30 | 55 | §2: Hình hộp chữ nhật | <p>Kiến thức:</p> <p>- Biết thế nào là 2 đường thẳng song song trong không gian, đường thẳng cắt nhau, đường thẳng song song với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song.</p> <p>- Nhận dạng trong thực tế mô hình 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng cắt nhau, đường thẳng song song với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song trong không gian.</p> <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học</p> | GDDD: Hòa bình (Lồng ghép hình ảnh giới thiệu bao diêm thống nhất). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | <p>Mục 2.</p> <p>Không yêu cầu hs giải thích vì sao đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song với nhau.</p> <p>Bài 8/SGK. Khuyến khích hs tự làm</p> | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------|---|--|---|--|--|
| 30 | 56 | §3: Thể tích hình hộp chữ nhật | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các dấu hiệu đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc trong không gian. - Tính được thể tích các hình trong không gian có dạng hình hộp chữ nhật. - Vận dụng được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật trong các bài toán thực tế cuộc sống. <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học</p> | GDDD: Trách nhiệm (Chú ý lắng nghe hướng dẫn của GV). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | <p>Mục 1.</p> <p>Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc:</p> <p>Không yêu cầu hs giải thích vì sao đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau.</p> <p>Bài tập 12/SGK.</p> <p>Khuyến khích hs tự làm</p> | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|----------|----------------------|--------------------|---|--|---|--|--|
| 31 | 57 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được thể tích các hình trong không gian có dạng hình hộp chữ nhật. Vận dụng được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật trong các bài toán thực tế cuộc sống. <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> | GDDD: Trách nhiệm (Đo đạc, tính toán cẩn thận, chính xác) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 31 32 | 58 59 60 61 | Hình lăng trụ đứng | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, cạnh bên, chiều cao). Gọi đúng tên hình lăng trụ đứng, vẽ được hình lăng trụ đứng có đáy là tam giác hoặc tứ giác. Nhận biết được một số hình trong thực tế có dạng hình lăng trụ đứng. Viết được công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng. Vận dụng được công thức để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng. | GDDD: Trách nhiệm – Khoan dung (Chở hàng đúng kích thước khối lượng khi hướng dẫn bài 16-SGK. Khoan dung khi đánh giá bài của bạn); Bảo tồn văn hóa cổ: Đèn lồng; Sử dụng thời gian hữu | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke, mô hình hình lăng trụ đứng | §4, §5, §6, Luyện tập. Ghép và cấu trúc thành một bài: Hình lăng trụ đứng. 1. Hình lăng trụ đứng 2. Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng 3. Thể tích | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---|---|--|-----------------------------|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Viết được công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng. - Vận dụng được công thức để tính thể tích của hình lăng trụ đứng. - Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến hình lăng trụ đứng trong đời sống hàng ngày. <p>Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> | ích: Lịch | | <p>của hình lăng trụ đứng (Thừa nhận không chứng minh các công thức tính thể tích của các hình lăng trụ đứng và hình chóp đều)</p> | |
| 33 | 62 | Bài học STEM: Đèn kéo quân | <p>KT: HS biết vận dụng kiến thức về hình lăng trụ đứng</p> <p>NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết các vấn đề, sử dụng công cụ đo, vẽ hình.</p> <p>PC: Biết cách tự học; ham học; trách nhiệm (tôn trọng và thực hiện đúng nội quy nhà trường); có hứng thú trong học Toán; linh hoạt; sáng tạo; hiểu được khả năng ứng dụng rộng rãi của Toán học vào thực tế.</p> | GDDD: Bảo tồn văn hóa cổ (Đèn lồng); Khoan dung (Giúp các em biết chấp nhận người khác, rút ra bài học kinh nghiệm) | | | |
| 33 | 63 | Ôn tập học kỳ II | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt được bằng lời và ghi lại được | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác | Máy chiếu, | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------------------|---|--|---|---------------------|--|
| | | | <p>bằng kí hiệu, hình vẽ, sơ đồ tư duy hệ thống các kiến thức về tứ giác, diện tích đa giác, tam giác đồng dạng.</p> <p>- Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh các góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài, đoạn thẳng bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích các hình, tam giác đồng dạng...</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |
| 33 | 64 | Ôn tập học kỳ II | <p>Kiến thức:</p> <p>- Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh tam giác đồng dạng, các đẳng thức liên quan đến độ dài đoạn thẳng, diện tích tam giác...</p> <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|------------------------------------|---|---|--|--|--|
| | | | lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 34 | 65 | §7: Hình chóp đều và hình chóp cụt | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các yếu tố của hình chóp đều, hình chóp cụt đều (đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy, chiều cao). - Gọi đúng tên hình chóp đều, biết vẽ hình chóp đều có đáy là tam giác, tứ giác. - Nhận dạng một số hình trong thực tế có dạng hình chóp đều, hình chóp cụt đều. - Tạo ra được một số vật có dạng hình chóp đều. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDĐĐ: Tự do (tự do phát triển trí thông minh). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke, mô hình hình chóp đều, hình chóp cụt đều. | Trùng lặp: Khái niệm hình chóp đều đã học môn Công nghệ 8 – Bài 4. | |
| 34 | 66 | §8: Diện tích xung quanh | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được công thức tính diện tích | GDĐĐ: Tự do (tự do phát triển | Máy chiếu, | Mục 2. Ví dụ: Khuyến | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|--------------------------------|--|---|---|---|--|
| | | của hình chóp đều | <p>xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được công thức để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều. Tạo ra được một số vật có dạng hình chóp đều. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | trí thông minh). | phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | khích học sinh tự đọc Bài tập 42/SGK: Khuyến khích hs tự làm | |
| 34 | 67 | §9: Thể tích của hình chóp đều | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Viết được công thức tính thể tích của hình chóp đều. Vận dụng được công thức tính thể tích hình chóp đều để giải quyết một số bài toán thực tế. Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến thể tích hình chóp đều trong đời sống hàng ngày. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng</p> | GDĐĐ: Tự do (tự do phát triển trí thông minh). | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | Bài tập 45; 46/SGK: Khuyến khích hs tự làm | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|---------------------------------------|--|---|---|---|--|
| | | | ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |
| 35 | 68 | Luyện tập | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được thể tích hình chóp đều. - Vận dụng được công thức tính thể tích hình chóp đều để giải quyết một số bài toán thực tế. - Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến thể tích hình chóp đều trong đời sống hàng ngày. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | GDDD: Khoan dung (Giúp các em biết chấp nhận người khác, rút ra bài học kinh nghiệm) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | Bài tập 48; 50/SGK: Khuyến khích hs tự làm | |
| 35 | 69 | Trả bài kiểm tra học kỳ II (Hình học) | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó học sinh biết điều chỉnh lại quá trình học tập để đạt | GDDD: Trung thực (thẳng thắn khi nêu ý kiến). | Bài kiểm tra | | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------------------|---|--|---|---|--|
| | | | <p>hiệu quả tốt nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp GV có được thông tin ngược để điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.</p> | | | | |
| 35 | 70 | Ôn tập chương IV | <p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hiểu được khái niệm các hình đã học trong chương hình lăng trụ đứng, hình chóp đều. - Biết cách tính diện tích và thể tích của một số hình đã học và một số dạng toán cơ bản trong chương này. - Biết cách tính diện tích xung quanh và thể tích của một số hình có dạng hình chóp và hình lăng trụ được học trong chương. <p>Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng</p> | GDDD: Đoàn kết – Hợp tác (giáo dục ý thức về sự đoàn kết, thói quen hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ) | Máy chiếu, phiếu học tập, Thước thẳng, Ê-ke | Bài tập 55; 57; 58/SGK: Khuyến khích hs tự làm | |

| Tuần | Tiết | Tên bài học | Yêu cầu cần đạt | Nội dung GD tích hợp | Sử dụng TBDH, Ứng dụng CNTT | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú (điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện nếu có) |
|------|------|-------------|---|----------------------|-----------------------------|---------------------|--|
| | | | ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. | | | | |

TỔNG HỢP SỐ CHỦ ĐỀ VÀ NỘI DUNG TÍCH HỢP

| STT | Tên chủ đề | Số tiết | Thực hiện | Ghi chú Điều chỉnh |
|-------------|------------------------------|-----------|-------------|--------------------|
| 1 | Phép nhân đa thức | 3 | Tuần 1,2 | |
| 2 | Tứ giác | 1 | Tuần 1 | |
| 3 | Phương trình bậc nhất một ẩn | 3 | Tuần 19 | |
| 4 | Định lý Talet | 3 | Tuần 20, 21 | |
| Tổng | | 10 | | |

Tích hợp MTCT HK1: 5 tiết Đại số

HK2: 2 tiết Đại số; 1 tiết hình học

KẾ HOẠCH KIỂM TRA

| Kiểm tra | Tiết | Tuần | Hình thức kiểm tra |
|---------------|------|------|---|
| KTTXK1 Đại số | 8 | 4 | Kiểm tra viết 15 phút; TN: 40%; TL: 60% |

| | | | |
|------------------------|---------------|---------------|--|
| KTGK1 | 17 | 9 | Kiểm tra viết; TN: 40%; TL: 60% |
| KTTXK1 Hình học | 9 | 5 | Kiểm tra viết 15 phút; TN: 40%; TL: 60% |
| KTCK1 | 35; 36 | 17 | Kiểm tra viết; TN: TN: 40%; TL: 60% |
| KTTXK2 Đại số | 49 | 23 | Kiểm tra viết 15 phút; TN: 40%; TL: 60% |
| KTTXK2 Hình học | 40 | 22 | Kiểm tra viết 15 phút; TN: 40%; TL: 60% |
| KTGK2 | 55;56 | 26 | Kiểm tra viết; TN: TN: 40%; TL: 60% |
| KTCK2 | 68; 69 | 33; 34 | Kiểm tra viết; TN: TN: 40%; TL: 60% |

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN 9

| | | |
|--------------------------------------|--|--|
| Cả năm 140 tiết | Đại số: 70 tiết | Hình học: 70 tiết |
| Học kỳ I: 18 tuần: 72 tiết | 36 tiết 2 tuần đầu x 3 tiết = 6 tiết 2 tuần giữa x 1 tiết = 2 tiết 14 tuần cuối x 2 tiết = 28 tiết | 36 tiết 2 tuần đầu x 1 tiết = 2 tiết 2 tuần giữa x 3 tiết = 6 tiết 14 tuần cuối x 2 tiết = 28 tiết |
| Học kỳ II 17 tuần: 68 tiết | 34 tiết 17 tuần x 2 tiết = 34 tiết | 34 tiết 17 tuần x 2 tiết = 34 tiết |

ĐẠI SỐ (70 tiết) HỌC KÌ I

| TT | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt | Sử dụng TBDH; ƯDCNTT | Nội dung GD tích hợp | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú |
|--|-------------|---|---|----------------------------|--|------------------------|------------|
| Chương I: Căn bậc hai. Căn bậc ba | | | | | | | |
| 1 | 1 2 3 | Chủ đề 1. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $ | <p>*KT: HS hiểu được khái niệm căn bậc hai của số không âm, kí hiệu về căn bậc hai, phân biệt được căn bậc hai dương, căn bậc hai âm của cùng một số dương, định nghĩa căn bậc hai số học. Biết được liên hệ của phép khai phương với quan hệ thứ tự.</p> <p>- HS hiểu về căn thức bậc hai của một biểu thức, nắm chắc điều kiện xác định của căn thức bậc hai.</p> <p>- Tìm được căn bậc hai số học của một số, so sánh các căn bậc hai số học với nhau, tìm điều kiện để biểu thức dưới dấu căn có nghĩa, vận dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ vào giải toán.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin</p> | MTCT | Giáo dục đạo đức: Ý thức trách nhiệm, tự do phát triển trí thông minh, ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 2 | 4 | Liên hệ giữa phép nhân và | <p>*KT: - Phát biểu được qui tắc khai phương một tích và nhân các căn thức bậc hai bằng lời và bằng kí hiệu.</p> <p>- Thực hiện được các phép tính về căn bậc hai: Khai phương một tích</p> | | Giáo dục đạo đức: Tính trung | | |

| | | | | | | | |
|---|--------------|---|---|------------------|--|--|--|
| | | phép khai phương | và nhân các căn thức bậc hai của các số không âm, vận dụng quy tắc hai chiều của công thức *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề; Năng lực tư duy toán học, tính toán toán học. * PC: Trung thực, tự lập, tự tin. | | thực. | | |
| 3 | 5 | Luyện tập | *KT: Vận dụng thành thạo hai quy tắc trên vào các bài tập tính toán, rút gọn biểu thức và giải phương trình. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác; Năng lực tư duy toán học, tính toán toán học, giải quyết vấn đề toán học * PC: Tự tin, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | MTBT, máy chiếu. | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 4 | 6 | Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương | *KT: - HS biết rút ra định lý từ trường hợp cụ thể và chứng minh được định lý liên hệ giữa phép chia và phép khai phương. Phát biểu được qui tắc khai phương một thương và chia các căn thức bậc hai. - Thực hiện được các phép tính về căn bậc hai: Khai phương một thương và chia các căn thức bậc hai của các số không âm, vận dụng quy tắc hai chiều của công thức. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác; Năng lực tư duy toán học, tính toán toán học, giải quyết vấn đề toán học * PC: Trung thực, tự lập, tự tin. | MTBT | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực | | |
| 5 | 7 | Luyện tập | *KT: - Biết vận dụng hai quy tắc vào các bài tập tính toán, rút gọn biểu thức và giải phương trình. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác; Năng lực tư duy toán học, tính toán toán học, giải quyết vấn đề toán học *PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 6 | 8 9 10 | Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai | *KT: Biết được cơ sở của việc đưa thừa số ra ngoài dấu căn và đưa thừa số vào trong dấu căn. Viết được các công thức tổng quát khi đưa thừa số vào trong dấu căn hay ra ngoài dấu căn. HS biết cách khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu. Biết cách phối hợp thành thạo các phép biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai để giải bài tập. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác; Năng lực tư duy toán học, tính toán toán học. *PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | MTBT | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác, tính trung thực | Ghép bài 6,7 và luyện tập và cấu trúc thành 01 bài “ Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai”: 1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn. 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn 3. Khử mẫu của | |

| | | | | | | | |
|----|--------|---|---|------|---|--|--|
| | | | | | | biểu thức lấy căn. 4. Trục căn thức ở mẫu số | |
| 7 | 11 | Luyện tập | <p>*KT: HS vận dụng thành thạo các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai vào BT rút gọn biểu thức, khử mẫu, trục căn thức, phân tích thành nhân tử, so sánh các biểu thức chứa căn thức bậc hai, tìm x.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học, mô hình hóa toán học, làm chủ, phát triển bản thân.</p> <p>*PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | MTBT | <p>Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác</p> | <p>Kiểm tra ĐGTX: - Hình thức viết trên giấy. - Thời gian: 15 phút - Tỷ lệ: trắc nghiệm 40%; tự luận 60%</p> | |
| 8 | 12 | Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai | <p>*KT: Biết vận dụng các kiến thức: Đưa một số vào trong căn, ra ngoài căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu để rút gọn biểu thức.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học</p> <p>*PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm</p> | | |
| 9 | 13 | Luyện tập | <p>*KT: HS vận dụng thành thạo các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai vào bài tập rút gọn biểu thức, chứng minh đẳng thức và những bài toán liên quan.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học, làm chủ và phát triển bản thân.</p> <p>*PC: Khoan dung, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, hợp tác, khoan dung</p> | | |
| 10 | 14 | Căn bậc ba | <p>*KT: Tính được căn bậc ba của một số nhờ biểu diễn được thành lập phương của một số khác.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | MTCT | <p>- Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm - MTCT</p> | <p>Tích hợp rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính bỏ túi</p> | |
| 11 | 15, 16 | Ôn tập chương I | <p>*KT: Nắm chắc các kiến thức cơ bản và các phép biến đổi căn thức bậc hai một cách hệ thống. HS biết tổng hợp các kỹ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức chứa căn, phân tích thành nhân tử, giải phương trình để giải những dạng bài tập theo yêu cầu.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính</p> | MTBT | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, hợp tác</p> | | |

| | | | | | | | |
|-----------------------------------|------------|---|---|--|--|--|---|
| | | | toán, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. *PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. | | | | |
| 12 | 17, 18 | Kiểm tra giữa kì I | *KT: HS nắm kiến thức về căn bậc hai, biến đổi đơn giản các biểu thức chứa căn bậc hai. *NL: Năng lực tự kiểm tra đánh giá, sử dụng ngôn ngữ viết, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ. | | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | |
| Chương II: Hàm số bậc nhất | | | | | | | |
| 13 | 19 | Nhắc lại, bổ sung các khái niệm về hàm số | *KT: - Hiểu được khái niệm về hàm số, biến số, các kí hiệu. Nắm được đồ thị hàm số $y = f(x)$ là tập hợp tất cả các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng $(x; f(x))$ trên mặt phẳng tọa độ. Chỉ ra được một hàm số đồng biến trên R, nghịch biến trên R dựa vào bảng giá trị của hàm số. - Biết cách tính các giá trị của hàm số khi cho trước biến số; biết biểu diễn các cặp số $(x; y)$ trên mặt phẳng tọa độ, biết vẽ đồ thị hàm số $y = ax$. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học. *PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, có tinh thần vượt khó. | | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | |
| 14 | 20, 21, 22 | Hàm số bậc nhất | *KT: Biết khái niệm và xác định được hàm số bậc nhất. Nhận biết được hàm số đồng biến trên R, nghịch biến trên R. - HS nhận biết hàm số bậc nhất, hàm số đồng biến, nghịch biến trong các ví dụ cụ thể. - Biết cách biểu diễn điểm trên mặt phẳng tọa độ, tính giá trị của hàm số khi biết giá trị của biến số và ngược lại. - Biết đặc điểm của đồ thị hàm số $y = ax + b$. - Biết vẽ đồ thị hàm số khi $b = 0$; b khác 0. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học. *PC: Trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | - Bài tập 19 Khuyến khích HS tự làm - Ghép và cấu trúc thành 01 bài: " <i>Hàm số bậc nhất</i> ": 1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất - Không chứng minh các tính chất của HSBN |

| | | | | | | | |
|----|----|--|---|--|---|--|---|
| | | | | | | | - Không yêu cầu HS vẽ đồ thị hàm số hàm số $y = ax + b$ với a, b là số vô tỉ. |
| 15 | 23 | Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau. | <p>KT: - Học sinh nắm vững điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>- Học sinh hiểu và nhận biết được hai đường thẳng song song, trùng nhau và cắt nhau</p> <p>- Học sinh biết xác định các hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. Rèn kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. Xác định được giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | | |
| 16 | 24 | Luyện tập | <p>*KT: - Biết chỉ ra các cặp đường thẳng song song, cắt nhau.</p> <p>- Biết xác định các hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. Có kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. Xác định được giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 17 | 25 | Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$). | <p>*KT: - Nắm vững khái niệm góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ và hiểu được rằng hệ số góc của đường thẳng liên quan mật thiết với góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox</p> <p>- HS biết tính góc α hợp bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox trong trường hợp hệ số $a > 0$ theo công thức $a = \tan \alpha$</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | Ví dụ 2: Không dạy; Bài tập 31 không yêu cầu HS làm | |

| | | | | | | | |
|--|----|---|--|--|--|---|--|
| | | | <p>công cụ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | | | |
| 18 | 26 | Thu thập và tổ chức dữ liệu dưới dạng bảng (Tiết 1) | <p>*KT: Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. Sử dụng bảng kiểm đếm và bảng số liệu thống kê ban đầu để thu thập dữ liệu</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức:</p> <p>Tinh thần trách nhiệm trung thực</p> | | |
| 19 | 27 | Thu thập và tổ chức dữ liệu dưới dạng bảng (Tiết 2) | <p>*KT: Tổ chức dữ liệu dưới dạng bảng tần số, tần suất (ghép nhóm) từ bảng kiểm đếm và bảng số liệu thống kê ban đầu.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức:</p> <p>Tinh thần trách nhiệm trung thực</p> | | |
| Chương III: Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | | | | | | | |
| 20 | 28 | Phương trình bậc nhất hai ẩn. | <p>*KT: Trình bày được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó, xác định được tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức:</p> <p>Tinh thần trách nhiệm</p> | | |
| 21 | 29 | Hệ hai PT bậc nhất hai ẩn | <p>*KT: HS trình bày được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, khái niệm hệ phương trình tương đương. Biểu diễn được tập nghiệm của hệ PT bằng hình học.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức:</p> <p>Tinh thần trách nhiệm</p> | <p>Kết quả của bài tập 2 trang 25 đưa vào cuối trang 10, không yêu cầu HS chứng minh và được sử dụng để làm các bài tập khác.</p> | |
| | | Giải hệ phương | <p>*KT: HS trình bày được quy tắc thế, cách giải hệ phương trình bằng quy tắc thế. HS nắm vững cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn</p> | | <p>Giáo dục đạo đức:</p> | | |

| | | | | | | | |
|----|----|---|--|--|--|------------------------------------|--|
| 22 | 30 | trình bằng phương pháp thế | <p>số bằng phương pháp thế. Biết cách kết luận nghiệm của hệ PT trong các trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm hoặc hệ có vô số nghiệm). *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Tinh thần trách nhiệm trung thực | | |
| 23 | 31 | Ôn tập cuối kỳ I | <p>*KT: HS hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương 1 và 2. - Biết áp dụng các kiến thức cơ bản đó vào giải các dạng bài tập cơ bản và 1 số bài tập nâng cao. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | | |
| 24 | 32 | Ôn tập cuối kỳ I | <p>*KT: - HS hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương 1 và 2. - Biết áp dụng các kiến thức cơ bản đó vào giải các dạng bài tập cơ bản và 1 số bài tập nâng cao. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | Bài 37d, 38c: tự học có hướng dẫn. | |
| 25 | 33 | Luyện tập | <p>*KT: HS giải thành thạo hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế. *NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 26 | 34 | Trả bài kiểm tra học kỳ I (Phần đại số) | <p>*KT: HS tự đánh giá được kĩ năng giải toán, trình bày diễn đạt một bài toán. HS được củng cố kiến thức, rèn cách làm bài kiểm tra tổng hợp. *NL: Năng lực tự chủ và phát triển bản thân. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực | | |

| | | | | | | | |
|------------------|-----|---|--|------|--|-------------------------|--|
| 27 | 35 | Biểu đồ cột | <p>*KT: Đọc và vẽ được biểu đồ cột đơn và biểu đồ cột kép. Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong những ví dụ đơn giản. Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu giữa bảng và biểu đồ cột.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm trung thực | | |
| 28 | 36 | Biểu đồ quạt | <p>*KT: Đọc được biểu đồ quạt. Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong những ví dụ đơn giản. Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu giữa bảng, biểu đồ cột và biểu đồ quạt. Lựa chọn dạng bảng hay biểu đồ phù hợp để biểu diễn dữ liệu.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm trung thực | | |
| HỌC KÌ II | | | | | | | |
| 29 | 37 | Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số | <p>*KT: HS trình bày được quy tắc cộng đại số, cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số. HS nắm vững cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn số bằng phương pháp cộng đại số.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần hợp tác | | |
| 30 | 38 | Luyện tập | <p>*KT: - HS giải thành thạo hệ phương trình bậc nhất hai ẩn số bằng phương pháp cộng đại số và phương pháp thế. - Biết sử dụng MTCT để tìm nghiệm của hệ 2 PT bậc nhất 2 ẩn.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ.</p> | MTCT | - Giáo dục đạo đức: Tinh thần hợp tác, trách nhiệm - MTCT: Giải HPT bậc nhất hai ẩn | | |
| 33 | 39, | Giải bài | <p>*KT: HS trình bày được các bước giải bài toán bằng cách lập hệ</p> | | Giáo dục đạo | Ghép và cấu trúc | |

| | | | | | | |
|---|-------------------------------------|--|--|---|---|-------------------------|
| 40, 41 | toán bằng cách lập hệ phương trình. | <p>phương trình. Biết cách chuyển bài toán có lời văn dạng chuyển động, biểu diễn số sang bài toán giải hệ phương trình bậc nhất.</p> <p>- HS có kĩ năng phân tích bài toán, tóm tắt bài toán, nắm bắt được các đại lượng đã biết và các đại lượng chưa biết, mối quan hệ giữa các đại lượng trong bài toán làm chung làm riêng.</p> <p>- Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình bậc nhất.</p> <p>HS biết phân tích bài toán, tìm mối quan hệ giữa các đại lượng, lập được hệ phương trình và biết cách trình bày bài toán. Cung cấp cho HS kiến thức thực tế và thấy được ứng dụng của toán học vào đời sống.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, yêu quê hương đất nước.</p> | | <p>đức: Ý thức hợp tác, tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | <p>thành 01 bài: <i>“Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình”</i> 1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. 2. Ví dụ <i>Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế.</i></p> | |
| 34 | 42 | Luyện tập | <p>*KT: HS biết phân tích bài toán, tìm mối quan hệ giữa các đại lượng, lập được hệ phương trình và biết cách trình bày bài toán. Cung cấp cho HS kiến thức thực tế và thấy được ứng dụng của toán học vào đời sống.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, yêu quê hương đất nước.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | |
| 35 | 43 | Ôn tập chương III | <p>*KT: - HS hệ thống được kiến thức trong chương bằng sơ đồ tư duy. - Biết áp dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán liên quan đến giải phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> <p>Kết quả của bài tập 2 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập</p> | |
| Chương IV: Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Phương trình bậc hai một ẩn | | | | | | |
| 36 | 44 | Chủ đề 2: | *KT: - HS thấy được trong thực tế có những hàm số dạng $y = ax^2$ | | Giáo dục đạo | Ghép và cấu trúc |

| | | | | | | | |
|----|----------------|--|---|--|---|--|--|
| | 45 46 47 | Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) | <p>($a \neq 0$).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). - Biết cách tính giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số. - Biết liên hệ hai chiều của Toán học với thực tế: Toán học xuất phát từ thực tế và nó quay trở lại phục vụ thực tế. - HS nhận biết được dạng đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và phân biệt được chúng trong hai trường hợp $a > 0$ và $a < 0$. - Nắm vững tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất của hàm số. - HS được củng cố lại cho vững chắc tính chất của hàm số $y = ax^2$ và hai nhận xét sau khi học tính chất để vận dụng vào giải các bài tập và để chuẩn bị vẽ đồ thị hàm số $y = ax^2$ ở tiết sau. - HS biết tính giá trị của hàm số khi biết giá trị cho trước của biến số và ngược lại. <p>*NL: Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, yêu quê hương đất nước.</p> | | đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | <p>thành 01 bài: “Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)”</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). 3. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) <i>Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số $y = ax^2$ nhờ đồ thị. Không chứng minh các tính chất đó bằng phương pháp biến đổi đại số.</i> <p>- Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) với a là số hữu tỉ.</p> | |
| 37 | 48 | Phương trình bậc hai một ẩn. | <p>*KT: - HS nắm được định nghĩa phương trình bậc nhất một ẩn: dạng tổng quát, dạng đặc biệt khi b hoặc c bằng 0 hoặc cả b và c bằng 0. Luôn chú ý nhớ $a \neq 0$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết phương pháp giải riêng các phương trình bậc hai dạng đặc biệt và giải thành thạo các phương trình dạng đó. Biết biến đổi phương trình dạng tổng quát $ax^2 + bx + c$ ($a \neq 0$) để được một phương trình có vế trái là một bình phương, vế phải là hằng số. <p>*NL: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng, hợp tác, tính toán, phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | <p><i>Ví dụ 2: Giải:</i> Chuyển vế -3 và đổi dấu của nó, ta được: $x^2 = 3$ suy ra $x = \sqrt{3}$ hoặc $x = -\sqrt{3}$ (viết tắt là $x = \pm\sqrt{3}$).</p> <p>Vậy phương trình có hai nghiệm: $x_1 = \sqrt{3}$,</p> | |

| | | | | | | | |
|----|----------------|--|--|--|--|--|---|
| | | | | | | | $x_2 = -\sqrt{3}$ (viết tắt $x = \pm\sqrt{3}$). |
| 38 | 49, 50 | Ôn tập giữa kì II | <p>*KT: - HS nắm được khái niệm nghiệm và tập nghiệm của phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn cùng với minh họa hình học của chúng;</p> <p>- HS hiểu và vận dụng được các phương pháp giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn: PP thế và PP cộng đại số.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng, hợp tác, tính toán, phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng</p> | | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | |
| 39 | 51 52 | Kiểm tra giữa kì II | <p>*KT: Kiểm tra HS các kiến thức về định nghĩa, về nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, các phương pháp giải hệ PT và các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, định nghĩa phương trình bậc hai.</p> <p>*NL: Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, tự chủ và phát triển bản thân.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ.</p> | | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | |
| 40 | 53 54 55 | Công thức nghiệm của phương trình bậc hai. | <p>*KT: - HS nhớ biệt thức $\Delta = b^2 - 4ac$ và nhớ điều kiện nào của Δ thì phương trình vô nghiệm, có nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.</p> <p>- HS nhớ và vận dụng thành thạo được công thức nghiệm của phương trình bậc hai để giải phương trình bậc hai.</p> <p>- HS nhớ biệt thức $\Delta = b^2 - 4ac$ từ việc xét dấu của Δ để tìm nghiệm của phương trình bậc hai (Phương trình có hai nghiệm phân biệt, phương trình có nghiệm kép, phương trình vô nghiệm).</p> <p>- HS biết được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn.</p> <p>- HS biết tìm b' và Δ', x_1, x_2 theo công thức nghiệm thu gọn.</p> <p>- HS nhớ và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn.</p> <p>- HS nhớ và vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, tính toán, phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng</p> | | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | <p>Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Công thức nghiệm của phương trình bậc hai”</p> <p>1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai</p> <p>2. Công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai</p> |

| | | | | | | |
|----|----|---|---|------|--|--|
| | | | đồng | | | |
| 41 | 56 | Luyện tập | <p>*KT: - HS thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn và thuộc công thức nghiệm thu gọn.</p> <p>- HS vận dụng thành thạo công thức để giải phương trình bậc hai.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ .</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | |
| 42 | 57 | Hệ thức Vi - ét và ứng dụng | <p>*KT: - HS nắm vững hệ thức Vi – ét, vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét.</p> <p>- Biết nhằm nghiệm của phương trình bậc hai trong trường hợp $a + b + c = 0$ hoặc $a - b + c = 0$ hoặc trường hợp tổng và tích của 2 nghiệm là các số với giá trị tuyệt đối không quá lớn.</p> <p>- Tìm được 2 số biết tổng và tích của 2 số đó.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, tính toán, phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | <p>Bài 33 khuyến khích HS tự làm</p> |
| 42 | 58 | Luyện tập- Kiểm tra 15 <i>MTCT: Giải phương trình bậc hai một ẩn</i> | <p>*KT: Củng cố và khắc sâu hệ thức Viét và ứng dụng của hệ thức Vi-ét.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ, sử dụng công cụ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | MTCT | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | <p>Kiểm tra, ĐGTX: - Hình thức viết trên giấy. - Thời gian: 15 phút - Tỷ lệ: trắc nghiệm 40%; tự luận 60%</p> |
| 43 | 59 | Phương trình quy về phương trình bậc hai. | <p>*KT: HS biết cách giải một số phương trình quy được về pt bậc hai như: pt trùng phương, pt chứa ẩn ở mẫu, một vài pt bậc cao có thể đưa về pt tích và pt nhờ đặt ẩn phụ.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực</p> | |
| 44 | 60 | Ôn tập cuối học kì II | <p>*KT: - HS hệ thống lại các kiến thức về</p> <p>- Các khái niệm và tập nghiệm của phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn với minh họa hình học của chúng</p> <p>- Các phương pháp giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn: phương</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm,</p> | |

| | | | | | | | |
|----|--------|---|---|--|--|--|--|
| | | | <p>pháp thế và phương pháp cộng đại số.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, mô hình hóa toán học, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng ngôn ngữ</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | trung thực | | |
| 45 | 61 | Giải bài toán bằng cách lập phương trình | <p>*KT: - HS hiểu được các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.</p> <p>- Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải phương trình bậc hai một ẩn.</p> <p>- Vận dụng được các bước giải toán bằng cách lập phương trình bậc hai.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, yêu quê hương, đất nước.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | | |
| 46 | 62 | Ôn tập cuối học kì II | <p>*KT: - HS được ôn tập các kiến thức các kiến thức về hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai.</p> <p>- HS được rèn luyện thêm kỹ năng giải pt, giải hệ pt, áp dụng hệ thức Vi-et vào giải bài tập.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, mô hình hóa toán học, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng ngôn ngữ</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | | |
| 47 | 63, 64 | Kiểm tra cuối kì II (đại số và hình học) | <p>*KT: Kiểm tra kiến thức của học kì II: hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), phương trình bậc hai một ẩn</p> <p>*NL: NL tự học, NL tư duy, NL tính toán, sử dụng công cụ tính toán, NL sáng tạo</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ.</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | | |
| 48 | 65 | Ôn tập chương IV | <p>*KT: Ôn tập một cách hệ thống kiến thức của chương:</p> <p>+ Tính chất và dạng đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)</p> <p>+ Các công thức nghiệm của phương trình bậc hai</p> <p>+ Hệ thức Vi-ét và vận dụng để tính nhẩm nghiệm phương trình bậc hai. Tìm hai số biết tổng và tích của chúng.</p> <p>- Giới thiệu với HS giải phương trình bậc hai bằng đồ thị (bài tập</p> | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | | |

| | | | | | | |
|----|----|---|---|--|--|-------------------------------|
| | | | 54,55) *NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | | | |
| 49 | 66 | Phép thử và không gian mẫu | *KT: Nhận biết được phép thử ngẫu nhiên và biết cách sử dụng bảng kiểm đếm để ghi lại kết quả của dãy phép thử. Xác định được không gian mẫu của phép thử. *NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | |
| 50 | 67 | Biến cố và khả năng | *KT: Xác định được biến cố phát biểu dưới dạng mô tả và dạng tập hợp. Xác định được tính chắc chắn, không thể hay có thể của biến cố. Nhận biết được các kết quả thuận lợi cho biến cố. Xác định được số kết quả thuận lợi cho một biến cố. *NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. | | | Bài 66 Khuyến khích HS tự làm |
| 51 | 68 | Trả bài kiểm tra cuối học kì II (phần đại số) | *KT: Thông qua kết quả chấm kiểm tra học kì, nhận xét, đánh giá và củng cố thức khắc sâu những kiến thức mà HS nắm chưa vững - Hướng dẫn HS giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những sai lầm điển hình. *NL: Năng lực tự học, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ, NL tư duy. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ. | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | |
| 52 | 69 | Xác suất thực nghiệm | *KT: Sử dụng phân số để mô tả được xác suất thực nghiệm của một biến cố liên quan đến dãy phép thử. *NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ. *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. | | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực | |
| 53 | 70 | Xác suất của biến cố | *KT: Tính được xác suất của các biến cố liên quan đến phép thử đơn giản (tung 1 đồng xu, 1 con xúc sắc, chọn 1 người). Nhận biết được | | Giáo dục đạo đức: | |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|-----------------------------------|--|--|
| | | | <p>mối quan hệ giữa xác suất thực nghiệm và xác suất của biến cố.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.</p> | | Tinh thần trách nhiệm, trung thực | | |
|--|--|--|---|--|-----------------------------------|--|--|

HÌNH HỌC (70 tiết) HỌC KÌ I

| TT | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt | Sử dụng TBDH; UDCNTT | Nội dung GD tích hợp | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú |
|---|------------------|---|---|----------------------|---|--|---------|
| Chương I: Hệ thức lượng trong tam giác vuông | | | | | | | |
| 1 | 1 2 3 4 | Chủ đề 1: Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông | <p>*KT: - HS cần nhận biết được các cặp tam giác vuông đồng dạng trong hình 1 (SGK-64).</p> <p>- Biết thiết lập các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông và củng cố định lý Py- ta - go $a^2 = b^2 + c^2$.</p> <p>- Hiểu cách chứng minh các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.</p> <p>- Vận dụng được các hệ thức đó để giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hạnh phúc | | |
| 2 | 5 | Tỉ số lượng giác của góc nhọn | <p>*KT: Hiểu được mối quan hệ giữa tỉ số của các cạnh góc vuông với số đo của góc nhọn trong tam giác vuông, hiểu được định nghĩa về tỉ số lượng giác của góc nhọn. Vận dụng được định nghĩa về tỉ số lượng giác của góc nhọn để tìm tỉ số lượng giác của các góc cụ thể.</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, làm chủ bản thân, năng lực sử dụng công cụ tính toán.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực, tự do | <i>Kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$, cotang của góc α là $\cot \alpha$.</i> | |

| | | | | | | | |
|---|----|---|--|---------------------------|--|--|--|
| | | | <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | | | | |
| 3 | 6 | Tỉ số lượng giác của góc nhọn | <p>*KT: - HS được rèn luyện các kĩ năng: dựng góc nhọn khi biết 1 trong các tỉ số lượng giác của nó và chứng minh 1 số hệ thức lượng giác . - Biết vận dụng các hệ thức lượng giác để giải bài tập có liên quan *NL: Tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, tư duy sáng tạo, năng lực tính toán. *PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. - Nhân ái, khoan dung.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực, tự do | <i>Kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$, cotang của góc α là $\cot \alpha$.</i> | |
| 4 | 7 | Tỉ số lượng giác của góc nhọn (tiếp) | <p>*KT: - HS nắm vững các hệ thức liên hệ giữa các tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau và vận dụng làm bài tập. Biết vận dụng tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau làm bài tập tính toán, chứng minh. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, tư duy sáng tạo</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực, tự do | <i>Kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$, cotang của góc α là $\cot \alpha$.</i> | |
| 5 | 8 | Luyện tập | <p>*KT: - Củng cố các kiến thức về tỉ số lượng giác của một góc nhọn. *NL: Năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, làm chủ bản thân, năng lực sử dụng công cụ tính toán. *PC: - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | MTCT, dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 6 | 9 | Sử dụng máy tính: Tìm tỉ số lượng giác của một góc nhọn cho trước. Tìm số đo của góc nhọn khi biết một tỉ số lượng giác của góc đó. | <p>*KT: HS hiểu được cách tìm tỉ số lượng giác của một góc nhọn cho trước bằng MTBT. - Cách tính góc nhọn khi biết tỉ số lượng giác của góc nhọn đó. - Có kỹ năng dùng MTBT để tìm góc α khi biết tỉ số lượng giác của nó. *NL: Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ *PC: Chăm chỉ, tự chủ, tự tin</p> | | MTCT | | |
| 7 | 10 | Một số hệ thức về cạnh | <p>*KT: Hiểu cách chứng minh các hệ thức giữa các cạnh và các góc của tam giác vuông.</p> | Dụng cụ đo, vẽ | Giáo dục đạo đức: Ý thức | | |

| | | | | | | | |
|----|----|--|---|-----------------------------|--|---|--|
| | | và các góc trong tam giác vuông | <p>*NL: NL sử dụng ngôn ngữ toán học, NL sử dụng công cụ đo, vẽ, NL suy luận, NL sử dụng công cụ tính toán (MTCT), NL mô hình hoá toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | hình | về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 8 | 11 | Một số hệ thức về cạnh và các góc trong tam giác vuông | <p>*KT: HS được củng cố và nắm vững các hệ thức giữa cạnh và góc trong một tam giác vuông, hiểu thuật ngữ “giải tam giác vuông”.</p> <p>*NL: NL sử dụng ngôn ngữ toán học, NL sử dụng công cụ đo, vẽ, NL suy luận.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 9 | 12 | Luyện tập | <p>*KT: HS nắm vững các hệ thức giữa cạnh và góc trong một tam giác vuông; HS hiểu thuật ngữ “giải tam giác vuông”.</p> <p>*NL: NL sử dụng ngôn ngữ toán học, NL sử dụng công cụ đo, vẽ, NL suy luận, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng công cụ tính toán</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | Giáo dục đạo đức: Giá trị tự do | | |
| 10 | 13 | Luyện tập- Kiểm tra 15 p | <p>*KT: Củng cố hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông, công thức định nghĩa TSLG của góc nhọn</p> <p>*NL: NL tư duy, sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | Giáo dục đạo đức: Giá trị tự do | <p>Kiểm tra, ĐGTX: - Hình thức viết trên giấy. - Thời gian: 15 phút - Tỷ lệ: trắc nghiệm 40%; tự luận 60%</p> | |
| 11 | 14 | Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. | <p>*KT: HS nắm chắc một số hệ thức giữa cạnh và góc của tam giác vuông; HS biết xác định chiều cao của một vật thể mà không cần lên điểm cao nhất của nó và biết xác định khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một điểm khó tới được.</p> <p>*NL: NL tư duy, sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Giác kế đứng, giác kế ngang | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | | |

| | | | | | | | |
|------------------------------|----|---|---|---------------------------|--|--|--|
| 12 | 15 | Ôn tập chương I với sự trợ giúp của | <p>*KT: Hệ thống hoá các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông, các hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.</p> <p>- Hệ thống hoá các công thức định nghĩa các tỷ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau.</p> <p>*NL: Năng lực ngôn ngữ, tính toán, hợp tác, giải quyết vấn đề.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Nhân ái, khoan dung.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | Sử dụng MTCT: Tính giá trị của biểu thức có chứa TSLG của các góc nhọn | | |
| 13 | 16 | Ôn tập chương I với sự trợ giúp của máy tính Casio hoặc máy tính năng tương đương | <p>*KT: Hệ thống hoá các kiến thức về hệ thức lượng trong tam giác vuông .</p> <p>- Rèn kỹ năng giải tam giác vuông và vận dụng tính chiều cao, chiều rộng của vật thể trong thực tế.</p> <p>*NL: Năng lực ngôn ngữ, tính toán, hợp tác, giải quyết vấn đề, hợp tác.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | - Giáo dục đạo đức: Giá trị hoà bình - Sử dụng MTCT: Tính giá trị của biểu thức có chứa TSLG của các góc nhọn | | |
| 14 | 17 | Thực hành ngoài trời. | <p>*KT: HS hiểu được cách sử dụng các dụng cụ đo đạc để tiến hành đo và tính toán chiều cao của một vật thể mà không cần lên điểm cao nhất của nó.</p> <p>HS hiểu được cách sử dụng các dụng cụ đo đạc để tiến hành đo và tính toán khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó một điểm khó tới được</p> | Giác kế; thước cuộn, MTCT | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| CHƯƠNG II: ĐƯỜNG TRÒN | | | | | | | |
| 15 | 18 | Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn. | <p>*KT:- Nắm được đường tròn là hình có tâm đối xứng, có trục đối xứng. Biết dựng đường tròn đi qua ba điểm không thẳng hàng.</p> <p>- Biết chứng minh một điểm nằm trên, nằm bên trong, nằm bên ngoài đường tròn.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, NL sử dụng ngôn ngữ toán học. *PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, trung thực, yêu thương, tự do, hạnh phúc | | |
| 16 | 19 | Luyện tập | <p>*KT:- Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, suy luận chứng minh hình</p> | Dụng cụ đo, | Giáo dục đạo | | |

| | | | | | | | |
|----|----|---|---|---------------------|--|--|--|
| | | | <p>học.</p> <p>- HS biết cách dựng đường tròn đi qua ba điểm không thẳng hàng.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ.</p> | vẽ hình | đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 17 | 20 | Đường kính và dây của đường tròn. | <p>*KT: - HS nắm được mối liên hệ giữa đk và dây cung.</p> <p>- HS biết vận dụng các định lý để chứng minh đường kính đi qua trung điểm của một dây, đường kính vuông góc với dây.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng lập mệnh đề đảo, kỹ năng suy luận và chứng minh.</p> <p>*NL: NL tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ..</p> <p>*PC: Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực, giá trị tự do | | |
| 18 | 21 | Luyện tập | <p>*KT:- Rèn kỹ năng vẽ hình, suy luận chứng minh, trình bày bài khoa học</p> <p>- HS biết vận dụng các định lý trên để chứng minh vòng góc, chứng minh đoạn thẳng bằng nhau ...</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, tự học, giao tiếp, hợp tác, NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ..</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Nhân ái, khoan dung.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 19 | 22 | Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây | <p>*KT:- HS nắm được các định lý về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây của một đường tròn, vận dụng vào giải bt</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, giao tiếp, sáng tạo; NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực, giá trị tự do | | |
| 20 | 23 | Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. | <p>*KT:- HS biết vận dụng các kiến thức trong bài để nhận biết các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.</p> <p>- Thấy được một số hình ảnh về vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.</p> <p>*NL: Năng lực NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ, NL suy luận.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: tinh thần hợp tác | | |

| | | | | | | | |
|----|----------------|--|---|---------------------|--|--|--------------|
| | | | - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | | | | |
| 21 | 24 | Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn | <p>*KT:- HS nắm được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn, biết vẽ tiếp tuyến tại một điểm của đường tròn,</p> <p>- HS biết vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào các bài tập tính toán và chứng minh.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ, giao tiếp, sáng tạo.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: tinh thần hợp tác | | |
| 22 | 25 | Luyện tập | <p>*KT: - Rèn luyện kỹ năng nhận biết tiếp tuyến của đường tròn;</p> <p>- HS biết vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào chứng minh.</p> <p>- Rèn luyện cho HS kỹ năng vẽ hình, suy luận, chứng minh hình học.</p> <p>*NL: NL tư duy, hợp tác, tự học, giao tiếp, sáng tạo, NL sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ, NL suy luận.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Nhân ái, khoan dung.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Giá trị hạnh phúc | | |
| 23 | 26 | Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau | <p>*KT: - Nắm được các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau; nắm được thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tam giác ngoại tiếp đường tròn.</p> <p>*NL: NL tư duy, hợp tác, tự học, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ, năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, tự giác, khoan dung, hợp tác, đoàn kết. | | |
| 24 | 27 | Luyện tập | <p>*KT: - Rèn kỹ năng vẽ hình, vận dụng các tính chất của hai tiếp tuyến vào các bài tập về tính toán và chứng minh.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | | |
| 25 | 28 29 30 | Vị trí tương đối của hai đường tròn. | <p>*KT: - Hiểu được ba vị trí tương đối của hai đường tròn, tính chất của hai đường tròn tiếp xúc nhau (tiếp điểm nằm trên đường nối tâm) tính chất của hai đường tròn cắt nhau (2 giao điểm đối xứng qua đường nối tâm)</p> <p>- Hiểu khái niệm hai đường tròn tiếp xúc trong, tiếp xúc ngoài.</p> <p>- HS hiểu được vị trí tương đối của hai đường tròn qua các hệ</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, khoan dung, hợp tác, đoàn kết. | Ghép và cấu trúc thành một bài “Vị trí tương đối của hai đường tròn” | 1. Ba vị trí |

| | | | | | | | |
|----|-----------|--|--|----------------------------|--|---|--|
| | | | <p>thức tương ứng giữa OO' và R, r, điều kiện để mỗi vị trí tương ứng có thể xảy ra.</p> <p>- Hiểu khái niệm tiếp tuyến chung của hai đường tròn.</p> <p>- Củng cố các kiến thức về vị trí tương đối của hai đường tròn, tính chất của đường nối tâm, tiếp tuyến chung của hai đường tròn.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, giao tiếp, sáng tạo; sử dụng công cụ đo, vẽ; năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> <p>- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | | | <p>tương đối của hai đường tròn</p> <p>2. Tính chất đường nối tâm</p> <p>3. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính</p> <p>4. Tiếp tuyến chung của hai đường tròn</p> | |
| 26 | 31 32 | <p>Chủ đề STEM: Dụng cụ xác định tâm đường tròn</p> | <p>*KT: Hs xác định được vân đề: bất kỳ đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, có một và chỉ một đường tròn nội tiếp.</p> <p>- Nắm được kiến thức nền: kiến thức về đường phân giác, tính chất của hình vuông, cách xác định đường tròn</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> <p>- Làm việc hợp tác, đúng quy trình.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, khoan dung, hợp tác.</p> | <p>Chủ đề STEM: Dụng cụ xác định tâm đường tròn</p> | |
| 27 | 32 | <p>Ôn tập cuối kì I</p> | <p>*KT: Ôn tập và củng cố các kiến thức đã học</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | <p>Dụng cụ đo, vẽ hình</p> | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm</p> | | |
| 28 | 33, 34 | <p>Kiểm tra cuối kì I (Đại số và hình học)</p> | <p>*KT: Kiểm tra kiến thức chương I và chương II</p> <p>*NL: NL tư duy, NL tính toán, NL lập luận toán học, NL sử dụng công cụ toán học, NL sử dụng ngôn ngữ Toán.</p> <p>*PC: Trung thực, tự tin, tự chủ.</p> | | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm</p> | | |
| 29 | 35 | <p>Ôn tập chương II</p> | <p>*KT: HS được ôn tập các kiến thức đã học về tính chất đối xứng của đường tròn, ien hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây, về vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, giao tiếp, sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> | <p>Dụng cụ đo, vẽ hình</p> | <p>Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, khoan dung, hợp tác, đoàn kết.</p> | | |

| | | | | | | | |
|----|----|--|---|---------------------|-----------------------------------|--|--|
| | | | * PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | | | | |
| 30 | 36 | Trà bài kiểm tra học kì I (phần hình học). | * KT: HS nắm được kiến thức trong chương trình học kì I * NL: Năng lực tính toán, tư duy, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. * PC: Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh trung thực | | |

HỌC KÌ II

| TT | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt | Sử dụng TBDH; UDCNTT | Nội dung GD tích hợp | Hướng dẫn thực hiện | Ghi chú |
|---------------------------------------|----------------|---|--|----------------------|--|---------------------|---------|
| Chương III: Góc với đường tròn | | | | | | | |
| 31 | 37 38 39 | Chủ đề 2. Số đo cung, liên hệ giữa cung và dây | * KT: HS hiểu khái niệm góc ở tâm, số đo của một cung - Hiểu định nghĩa số đo của cung nhỏ, cung lớn, cung nửa đường tròn. - Nắm chắc khái niệm góc ở tâm và các khái niệm có liên quan - HS hiểu và biết sử dụng các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. * NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, công cụ đo, vẽ. * PC: Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó - Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, khoan dung, hợp tác, đoàn kết, giá trị tự do, tinh trung thực | | |
| 32 | 40 | Góc nội tiếp | * KT: HS hiểu khái niệm góc nội tiếp, mối liên hệ giữa góc nội tiếp và cung bị chắn, hiểu và chứng minh được định lý về số đo của góc nội tiếp. * NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. * PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, khoan dung | | |
| 33 | 41 | Luyện tập | * KT: củng cố định nghĩa, định lý và các hệ quả của góc nội tiếp. * NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. * PC: Nhân ái, khoan dung. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 34 | 42 | Góc tạo bởi | * KT: HS nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. | Dụng cụ | Giáo dục đạo | | |

| | | | | | | | |
|----|----|---|--|---------------------|---|--|--|
| | | tia tiếp tuyến và dây cung | - Hs phát biểu và chứng minh được định lý về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. *NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. - Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. | đo, vẽ hình | đức: Giá trị tự do, tính trung thực | | |
| 35 | 43 | Luyện tập | *KT: Hs nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. - Rèn kỹ năng áp dụng các định lý vào giải bài tập. - Rèn tư duy và cách trình bày lời giải bài tập hình học *NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 36 | 44 | Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn; Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn | *KT: Hs nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. - Hs phát biểu và chứng minh được định lý về số đo của góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. *NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm, khoan dung, hợp tác, đoàn kết. | | |
| 37 | 45 | Luyện tập | *KT: Sau tiết học, HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong, ở bên ngoài đường tròn và hiểu nội dung 2 định lý để v/dụng vào làm BT. *NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. Trung thực, tự trọng. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 38 | 46 | Cung chứa góc | *KT: Biết được quỹ tích cung chứa góc α nói chung và trường hợp đặc biệt khi $\alpha = 90^0$ *NL: Năng lực tư duy, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. - Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức trách nhiệm | 1. Bài toán quỹ tích “Quỹ tích cung chứa góc”: Không yêu cầu HS thực hiện ?2. Không yêu cầu chứng minh mục a, b | |
| 39 | 47 | Luyện tập | *KT: HS hiểu quỹ tích cung chứa góc, biết vận dụng cặp mệnh đề | Dụng cụ | Giáo dục đạo | | |

| | | | | | | | |
|----|----|--|--|---------------------|--|--|--|
| | | | <p>thuận, đảo của quỹ tích này để giải toán.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | đo, vẽ hình | đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| 40 | 48 | Tứ giác nội tiếp | <p>*KT: Hiểu thế nào là một tứ giác nội tiếp, c/m được định lý thuận, hiểu định lý thuận và đ/ lý đảo về tứ giác nội tiếp là điều kiện ắt có và đủ để một tứ giác nội tiếp</p> <p>- Biết hình vuông, hình chữ nhật, hình thang cân nội tiếp được một hình tròn, nắm được cách nhận biết tứ giác nội tiếp theo định nghĩa và tính chất</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung. Trung thực, tự trọng</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Giá trị tự do, tính trung thực | 3. Định lí đảo: Không yêu cầu chứng minh định lí đảo | |
| 41 | 49 | Luyện tập | <p>*KT: Củng cố định nghĩa, tính chất và cách chứng minh tứ giác nội tiếp.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | | |
| 42 | 50 | Ôn tập giữa kì II | <p>*KT: Hs được ôn tập hệ thống hoá các kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung và dây, các loại góc với đường tròn, cung chứa góc, tứ giác nội tiếp.</p> <p>*NL: Năng lực sử dụng các phép toán, năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học; Năng lực sử dụng công cụ đo, vẽ, tư duy, hợp tác.</p> <p>*PC: Trung thực, tự trọng, nhân ái, khoan dung.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | | | |
| 43 | 51 | Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp | <p>*KT: Hs hiểu được định nghĩa, khái niệm, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác.</p> <p>- Biết bất kỳ đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, có một và chỉ một đường tròn nội tiếp.</p> <p>- Biết vẽ tâm của một đa giác đều, từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |


| | | | | | | |
|----|----|--|--|---------------------------|--|--|
| 44 | 52 | Độ dài đường tròn, cung tròn | <p>*KT: HS nhớ được công thức tính độ dài đường tròn $C = 2\pi R$ (hoặc $C = \pi d$);</p> <p>- Biết cách tính độ dài cung tròn; biết số π là gì và giá trị gần đúng của nó.</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> <p>- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | Không yêu cầu HS làm bài ?! |
| 45 | 53 | Luyện tập- Kiểm tra 15 p | <p>*KT: HS hiểu được định nghĩa, khái niệm, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác.</p> <p>- Biết bất kỳ đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, có một và chỉ một đường tròn nội tiếp.</p> <p>- HS nắm chắc các công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn và các công thức suy luận của nó.</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | <p>Kiểm tra, ĐGTX:</p> <p>- Hình thức viết trên giấy.</p> <p>- Thời gian: 15 phút</p> <p>- Tỷ lệ: trắc nghiệm 40%; tự luận 60%</p> |
| 46 | 54 | Diện tích hình tròn, quạt tròn | <p>*KT: HS nhớ công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là $S = \pi.R^2$.</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | |
| 47 | 55 | Luyện tập | <p>*KT: HS được giới thiệu khái niệm hình viên phân, hình vành khăn và cách tính diện tích các hình đó.</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | |
| 48 | 56 | Ôn tập chương III với sự trợ giúp của MTCT | <p>*KT: HS được ôn tập hệ thống hoá các kiến thức về số đo cung, liên hệ giữa cung và dây, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp, đường tròn nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, quạt tròn.</p> <p>*NL: Năng lực sử dụng các phép toán, năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học; Năng lực sử dụng công cụ đo, vẽ, tư duy, hợp tác.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | Không yêu cầu HS làm bài 99 |

| | | | | | | | |
|--|----|--|--|---|--|--|--|
| | | | <p>*PC: Nhân ái, khoan dung. - Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | | | | |
| 49 | 57 | Ôn tập chương III với sự trợ giúp của MTCT | <p>*KT: HS được ôn tập hệ thống hoá các kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung và dây, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp, đường tròn nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, quạt tròn. *NL: Năng lực tính toán, năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học; Năng lực sử dụng công cụ đo, vẽ, tư duy, hợp tác. *PC: Nhân ái, khoan dung. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình, MTCT | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |
| Chương IV: Hình trụ - Hình nón - Hình cầu | | | | | | | |
| 50 | 58 | Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích hình trụ | <p>*KT: HS biết khái niệm về hình trụ (đáy, trục, mặt xung quanh, đường sinh, đường cao, mặt cắt). Nắm chắc các công thức tính S_{xq}, S_{tp} và thể tích của hình trụ. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình; mô hình hình lăng trụ đều, hình trụ; Thiết bị quay hình chữ nhật để tạo nên hình trụ; Hai mẫu hình trụ có thể cắt được | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực | | |
| 51 | 59 | Luyện tập | <p>*KT: HS được củng cố các k/n về hình trụ, biết áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình trụ cùng các công thức suy diễn của nó vào các bài tập. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. - Trung thực, tự trọng, chí công vô tư.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực, đoàn kết, hợp tác | | |
| 52 | 60 | Ôn tập cuối học kì II | <p>*KT: Kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ,</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần | | |

| | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|--|--|
| | | | giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. - Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. | | trách nhiệm | | |
| 53 | 61 | Ôn tập cuối học kì II | *KT: Kiến thức cơ bản về đường tròn; các góc liên hệ với đường tròn; kiến thức về tứ giác nội tiếp. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | | |
| 54 | 62 | Ôn tập cuối học kì II | *KT: Kiến thức cơ bản về đường tròn; các góc liên hệ với đường tròn; kiến thức về tứ giác nội tiếp. *NL: NL tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | | |
| 55 | 63 64 | Kiểm tra cuối kì II (đại số và hình học) | *KT: Kiểm tra kiến thức của học kì II: hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), phương trình bậc hai một ẩn. Góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp. *NL: NL tự học, NL tư duy, NL tính toán, sử dụng công cụ tính toán, NL sáng tạo *PC: Trung thực, tự tin, tự chủ. | | | | |
| 56 | 65 | Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt | *KT: Qua mô tả HS nhận biết được hình nón, hình nón cụt với các yếu tố của nó: đường sinh, chiều cao, bán kính có liên quan đến việc tính toán diện tích và thể tích của hình nón, hình nón cụt. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Nhân ái, khoan dung. - Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó. | Dụng cụ đo, vẽ hình; Một số vật có dạng hình nón; hình trụ và hình nón | Giáo dục đạo đức: Giá trị của hạnh phúc, sự giản dị | | |
| 57 | 66 | Luyện tập | *KT: HS được củng cố các k/n về hình nón, hình nón cụt biết áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình nón, nón cụt cùng các công thức suy diễn của nó vào các bài tập. *NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ. *PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Ý thức về sự đoàn kết, hợp tác | | |

| | | | | | | | |
|----|----|--|---|--|---|---------------------------------|--|
| | | | - Trung thực, tự trọng, chí công vô tư. | | | | |
| 58 | 67 | Trả bài kiểm tra cuối kì II (phần Hình học) | <p>*KT: HS thấy được những ưu, nhược điểm trong bài kiểm tra của mình, đặc biệt là tránh những sai lầm tương tự.</p> <p>*NL: Năng lực tự học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, NL sử dụng công cụ đo, vẽ</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tính trung thực | | |
| 59 | 68 | Hình cầu. Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu | <p>*KT: Qua mô tả HS nắm vững các k/n của hình cầu: Tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. Hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng luôn là một hình tròn. Nắm được công thức tính diện tích mặt cầu.</p> <p>*NL: Năng lực tính toán, tư duy, hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, sáng tạo, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình; Mô hình hình cầu, mô hình hình cầu bị cắt bởi một mặt phẳng | Giáo dục đạo đức: Giá trị của hạnh phúc, sự giản dị | Không yêu cầu HS làm bài 36, 37 | |
| 60 | 69 | Hình cầu. Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu | <p>*KT: Nắm chắc các khái niệm của hình cầu: tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu; nắm các công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu.</p> <p>*NL: Năng lực tư duy, mô hình hóa toán học, tính toán, sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ đo, vẽ.</p> <p>*PC: Nhân ái, khoan dung.</p> <p>- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó.</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình; Thiết bị thực hành để đưa ra công thức thể tích hình cầu | Giáo dục đạo đức: Giá trị của hạnh phúc, sự giản dị | | |
| 61 | 70 | Ôn tập chương IV | <p>KT: HS được ôn tập hệ thống hoá các kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung và dây, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp, đường tròn nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, quạt tròn.</p> <p>*NL: Năng lực tự học; NL hợp tác; NL tư duy; Năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; Năng lực tính toán; Năng lực giải quyết vấn đề; NL sử dụng công cụ đo, vẽ</p> <p>*PC: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng. Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó</p> | Dụng cụ đo, vẽ hình | Giáo dục đạo đức: Tinh thần trách nhiệm | Không yêu cầu HS làm bài 44. | |

TỔ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nga

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. UÔNG BÌNH
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
YÊN THÀNH

Phạm Thị Hảo

Yên Thành, ngày 27 tháng 8 năm 2022
GIÁO VIÊN



Nguyễn Thị Nguyệt



Tăng Thị Nga



Nguyễn Thị Hương